

MỤC LỤC

Ngày ban hành	Trích yếu nội dung	Trang
---------------	--------------------	-------

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

29-12-2006	Quyết định số 185/2006/QĐ-UBND về ban hành Quy định quản lý, bảo vệ công trình thoát nước công cộng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh	4
29-12-2006	Quyết định số 186/2006/QĐ-UBND về cấp phép cho xe ô tô tải lưu thông trong giờ cao điểm, lưu thông ban ngày vào nội đô thành phố Hồ Chí Minh	15
29-12-2006	Quyết định số 187/2006/QĐ-UBND về nâng mức phụ cấp đối với cán bộ, viên chức công tác tại Trạm Y tế phường - xã, thị trấn trên địa bàn thành phố	19

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN QUẬN 6

20-12-2006	Nghị quyết số 17/2006/NQ-HĐND về nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2007	21
------------	---	----

20-12-2006	Nghị quyết số 18/2006/NQ-HĐND về tình hình thu, chi ngân sách năm 2006; điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2006; Dự toán thu, chi ngân sách và phân bổ dự toán ngân sách năm 2007	25
20-12-2006	Nghị quyết số 19/2006/NQ-HĐND về phân loại đơn vị hành chính phường trên địa bàn quận 6 theo tinh thần Nghị định số 159/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ	28
20-12-2006	Nghị quyết số 20/2006/NQ-HĐND về thực hiện công tác phòng chống vi phạm pháp luật và hoạt động tư pháp quận 6 năm 2007	30
20-12-2006	Nghị quyết số 21/2006/NQ-HĐND về chương trình hoạt động giám sát năm 2007	33

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH

22-12-2006	Quyết định số 9640/2006/QĐ-UBND về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Dạy nghề quận Bình Thạnh	35
------------	--	----

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ

26-12-2006	Nghị quyết số 50/2006/NQ-HĐND về tình hình thực hiện ngân sách năm 2006 và dự toán thu, chi ngân sách huyện năm 2007	46
29-12-2006	Nghị quyết số 54/2006/NQ-HĐND về thông qua kế hoạch sử dụng đất năm 2007	50
29-12-2006	Nghị quyết số 55/2006/NQ-HĐND về quy hoạch các ngành nghề kinh doanh vũ trường, karaoke, quán bar, dịch vụ xoa bóp, cơ sở lưu trú du lịch; cổ động chính trị và quảng cáo ngoài trời trên địa bàn huyện giai đoạn 2006 - 2010	52

29-12-2006	Nghị quyết số 56/2006/NQ-HĐND về tình hình kinh tế - xã hội năm 2006 và kế hoạch kinh tế - xã hội năm 2007	54
29-12-2006	Nghị quyết số 57/2006/NQ-HĐND về kết quả hoạt động của Hội đồng nhân dân huyện năm 2006 và Chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân huyện Cần Giờ năm 2007	58

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

19-12-2006	Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐND về nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2007	62
19-12-2006	Nghị quyết số 02/2006/NQ-HĐND về chương trình hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân huyện Hóc Môn năm 2007	66
19-12-2006	Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐND về phân loại đơn vị hành chính xã, thị trấn thuộc huyện Hóc Môn	68
19-12-2006	Nghị quyết số 04/2006/NQ-HĐND về phê chuẩn dự toán và phân bổ ngân sách năm 2007	69
19-12-2006	Nghị quyết số 05/2006/NQ-HĐND về kế hoạch sử dụng đất 5 năm (từ năm 2006 đến năm 2010) định hướng đến năm 2020	71

THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 185/2006/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 12 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

*Về ban hành Quy định quản lý, bảo vệ công trình thoát nước công cộng
trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh*

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 93/2001/NĐ-CP, ngày 12 tháng 12 năm 2001 của Chính phủ về phân cấp một số lĩnh vực cho thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 209/2004/NĐ-CP, ngày 16 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 16/2005/NĐ-CP, ngày 07 tháng 02 năm 2005 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và Nghị định số 112/2006/NĐ-CP, ngày 29 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 16/2005/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 752/QĐ-TTg, ngày 19 tháng 6 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tổng thể hệ thống thoát nước thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 109/2005/QĐ-UBND, ngày 20 tháng 6 năm 2005 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định về công tác quản lý các dự án đầu tư trong nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông - Công chính tại Công văn số 335/SGTCC-ĐT, ngày 25 tháng 5 năm 2006 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số 127/STP-VB, ngày 12 tháng 01 năm 2006,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý, bảo vệ công trình thoát nước công cộng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 (mười) ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Giao thông - Công chính, Thủ trưởng các sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hữu Tín

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Về quản lý, bảo vệ công trình thoát nước công cộng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 185/2006/QĐ-UBND,
ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích

Quy định này nhằm mục đích đảm bảo sự an toàn, khả năng tiêu thoát nước tốt nhất của hệ thống thoát nước; tạo điều kiện cho tất cả tổ chức, cá nhân được sử dụng tiện lợi, hiệu quả dịch vụ thoát nước đô thị; ngăn chặn, xử lý tình trạng xâm hại đến các công trình thoát nước trên địa bàn thành phố.

Điều 2. Đối tượng và phạm vi áp dụng

1. Quy định này áp dụng đối với tất cả cá nhân và tổ chức thực hiện một trong các công việc sau đây:

- a) Đầu tư cải tạo, nâng cấp hoặc xây dựng mới công trình thoát nước công cộng.
- b) Đầu nối đường ống thoát nước của hộ gia đình, của tổ chức, của khu dân cư vào công trình thoát nước công cộng.
- c) Xây dựng các công trình ngầm như đường ống cấp nước, đường cáp điện, cáp viễn thông, ống dẫn khí đốt và các công trình ngầm khác có giao cắt với công trình thoát nước, hoặc xây dựng công trình trong phạm vi bảo vệ công trình thoát nước.
- d) Xả nước, chất thải vào hệ thống thoát nước công cộng.

2. Quy định này không áp dụng đối với hệ thống sông, kênh rạch phục vụ cho giao thông, thủy lợi (đã có quy định riêng).

Điều 3. Trách nhiệm quản lý

1. Sở Giao thông - Công chính là cơ quan chuyên môn, có trách nhiệm tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện chức năng quản lý Nhà nước các

công trình thoát nước công cộng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

2. Phân công quản lý:

a) Các Khu Quản lý giao thông đô thị quản lý công trình thoát nước cấp 1, cấp 2 và công trình thoát nước trên các tuyến đường do chính các Khu Quản lý giao thông đô thị quản lý.

b) Ủy ban nhân dân quận - huyện quản lý công trình thoát nước còn lại theo phân cấp của Ủy ban nhân dân thành phố.

c) Ngoại trừ các công trình giao thông công chính đã phân cấp cho Ủy ban nhân dân quận - huyện quyết định đầu tư, ủy quyền cho Ủy viên Ủy ban nhân dân thành phố kiêm Giám đốc Sở Giao thông - Công chính xem xét ban hành quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định phân công quản lý các công trình hạ tầng giao thông công chính còn lại cho quận - huyện (trên cơ sở có sự thống nhất tiếp nhận quản lý công trình của Ủy ban nhân dân các địa phương), các Khu Quản lý giao thông đô thị. Các đơn vị được phân công quản lý có nhiệm vụ thường xuyên rà soát, cập nhật các công trình này và báo cáo để Sở Giao thông - Công chính có quyết định điều chỉnh việc phân công quản lý kịp thời.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, một số từ ngữ được hiểu như sau:

1. Công trình thoát nước công cộng là các công trình thoát nước bao gồm hầm ga, cống ngầm, cửa xả, hệ thống kênh, mương, rạch, trạm bơm và trạm xử lý nước thải nằm bên ngoài tường rào khu dân cư, trường học, bệnh viện, cơ sở sản xuất...

2. Công trình thoát nước cấp 1 là kênh, rạch thoát nước.

3. Công trình thoát nước cấp 2 là cống chính thoát nước có cửa xả thoát trực tiếp ra kênh rạch.

4. Cống chung là đường cống thoát nước mưa có cho phép nước thải trong sinh hoạt của các khu dân cư được đổ vào.

5. Làn phui là rãnh đào dưới lòng đường, lề đường, vỉa hè để lắp đặt công trình ngầm.

6. Tái lập mặt đường là khôi phục lại kết cấu của lòng đường, lề đường, vỉa hè đạt tiêu chuẩn thiết kế, chất lượng đường theo đúng quy định hiện hành.

7. Công trình ngầm: Bao gồm các công trình đường cáp điện, đường cáp viễn thông, đường ống cấp nước, đường cống thoát nước, đường ống dẫn khí đốt, hào kỹ thuật, đường hầm... đặt dưới lòng đường, lề đường, vỉa hè.

8. Phạm vi bảo vệ công trình: Phạm vi giới hạn không được xây dựng các công trình khác.

9. Chất thải rắn là chất thải ở dạng rắn, được loại ra trong sinh hoạt, trong quá trình sản xuất hoặc trong các hoạt động khác bao gồm rác, đất, cát, đá, sỏi, bùn,...

10. Nước thải là chất thải ở thể lỏng, được thải ra trong sinh hoạt, trong quá trình sản xuất hoặc các hoạt động khác.

11. Giao cắt là sự giao nhau giữa các công trình ngầm, mà hình chiếu của chúng trên mặt phẳng nằm ngang sẽ có điểm trùng nhau.

12. Giao cắt trực tiếp là công trình ngầm này đâm xuyên qua thân của công trình ngầm khác.

13. Đầu nối là nối kết giữa công trình thoát nước đang được cải tạo hoặc xây mới vào công trình thoát nước công cộng đã có sẵn hoặc cùng xây dựng mới.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ, BẢO VỆ

CÔNG TRÌNH THOÁT NƯỚC CÔNG CỘNG

Điều 5. Quy định về nâng cấp cải tạo, xây dựng mới công trình thoát nước

1. Các công trình thoát nước công cộng, khi được cải tạo nâng cấp, hoặc xây dựng mới, phải phù hợp với quy hoạch thoát nước và phải lập thiết kế cơ sở. Thiết kế cơ sở này phải được cơ quan có thẩm quyền (quy định tại khoản 2 Điều 9 của Quy định này) thẩm định thì chủ đầu tư mới được triển khai các bước tiếp theo.

2. Đối với các dự án sử dụng cống chung cho nước mưa và nước thải, chủ đầu tư phải xây dựng hệ thống cống thu gom nước thải sinh hoạt để đầu nối vào hệ thống cống chung. Không được đầu nối trực tiếp đường ống thoát nước sinh hoạt của từng hộ gia đình vào hệ thống cống chung.

3. Khi khởi công các công trình nêu tại khoản 1 Điều này, chủ đầu tư phải thông báo cho cơ quan quản lý được quy định tại điểm a, điểm b, khoản 2, Điều 3 của Quy định này biết. Các cơ quan này phải có kế hoạch kiểm tra trong quá trình thi công để kiểm tra về sự phù hợp của công trình so với thiết kế cơ sở đã được Sở Giao thông - Công chính, hoặc Ủy ban nhân dân quận - huyện (theo phân cấp) thẩm định. Việc kiểm tra này, không thay thế cho công tác giám sát thi công của chủ đầu tư.

Giao Sở Giao thông - Công chính quy định nội dung kiểm tra và ban hành mẫu

thông báo khởi công, mẫu biên bản kiểm tra trong vòng 30 ngày kể từ ngày Quy định này có hiệu lực.

4. Khi hoàn thành các công trình nêu tại khoản 1 Điều này, thì chủ đầu tư phải gửi hồ sơ hoàn công cho cơ quan quản lý nêu tại khoản 2 Điều 3 và tổ chức nghiệm thu thông công có sự chứng kiến và xác nhận của cơ quan quản lý nêu trên. Việc nghiệm thu thông công, không thay thế cho công tác nghiệm thu hoàn thành giữa chủ đầu tư và đơn vị thi công.

Sở Giao thông - Công chính quy định cụ thể nội dung việc tổ chức nghiệm thu thông công trước khi bàn giao cho đơn vị quản lý.

5. Đối với các dự án xây dựng đường có bao gồm cả phần thoát nước, chủ đầu tư phải tách riêng thiết kế bản vẽ thi công và bản vẽ hoàn công cho hạng mục thoát nước. Khi hạng mục thoát nước được xây dựng xong, thì chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu thông công để đưa hạng mục thoát nước vào khai thác sử dụng, mà không đợi đến hoàn công toàn công trình.

6. Ngoại trừ các công trình giao thông công chính được phân cấp cho các quận - huyện quyết định đầu tư; đối với các công trình giao thông công chính xây dựng mới, các cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoàn công nêu tại khoản 2 Điều 3 của Quy định này, có nhiệm vụ đề xuất, để Sở Giao thông - Công chính ra quyết định phân công đơn vị quản lý. Đơn vị được phân công quản lý, có trách nhiệm tổ chức việc khai thác vận hành, duy tu nạo vét trong quá trình sử dụng. Trách nhiệm bảo hành công trình vẫn do đơn vị thi công thực hiện theo quy định.

Điều 6. Quy định về đấu nối công trình thoát nước

1. Chủ đầu tư các công trình thoát nước, muốn thực hiện việc đấu nối vào công trình thoát nước công cộng, thì phải xin phép đấu nối tại cơ quan có thẩm quyền được quy định tại khoản 3 của Điều này.

2. Các trường hợp sau đây được miễn xin phép đấu nối:

a) Công trình đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép xây dựng, mà trong hồ sơ cấp phép xây dựng có thể hiện việc đấu nối công trình thoát nước. Trong trường hợp này, cơ quan cấp phép xây dựng phải lấy ý kiến cơ quan quản lý công trình thoát nước trước khi cấp phép.

b) Các công trình hay hạng mục công trình thoát nước đã được cơ quan có thẩm quyền thẩm định thiết kế cơ sở.

3. Giao các cơ quan được quy định tại điểm a, b khoản 2, Điều 3 của Quy định

này thực hiện việc cấp phép đấu nối. Riêng hệ thống thoát nước của của các dự án xây dựng có diện tích khuôn viên trên 01 (một) hecta, sẽ do Sở Giao thông - Công chính cấp phép đấu nối.

4. Công trình đã có giấy phép đấu nối thì được miễn xin phép đào đường và vỉa hè. Chủ đầu tư phải gửi thông báo khởi công kèm bản sao giấy phép đấu nối, hoặc thiết kế cơ sở công trình thoát nước đã được cơ quan thẩm quyền thẩm định cho cơ quan cấp phép đào đường trước khi khởi công đào đường, vỉa hè.

Việc đào và tái lập lòng đường, lề đường, vỉa hè phải theo đúng quy định hiện hành về đào đường và tái lập mặt đường.

Điều 7. Quy định về giao cắt giữa công trình thoát nước với các công trình ngầm khác, về xây dựng công trình trong phạm vi bảo vệ công trình thoát nước

1. Các công trình ngầm bao gồm đường ống cấp nước, đường cáp điện, đường cáp viễn thông và các công trình ngầm khác không được giao cắt trực tiếp với công trình thoát nước và ngược lại.

2. Khi nâng cấp, cải tạo hoặc xây dựng mới các công trình ngầm nêu tại khoản 1 Điều này, phải ưu tiên dành vị trí để lắp đặt các công trình thoát nước tại các điểm giao cắt giữa hai công trình. Chủ đầu tư phải lấy ý kiến thỏa thuận của các Khu Quản lý giao thông đô thị về vị trí và độ sâu lắp đặt công trình này.

3. Khi thi công các công trình ngầm, nếu phát hiện có giao cắt với đường cống thoát nước, thì chủ đầu tư phải thông báo trong vòng hai ngày bằng văn bản cho các Khu Quản lý giao thông đô thị về các vị trí giao cắt này.

4. Khi lấp lún phui tại các vị trí giao cắt, chủ đầu tư phải thông báo cho các Khu Quản lý giao thông đô thị bằng văn bản trước 01 (một) ngày; các Khu Quản lý giao thông đô thị có trách nhiệm cử người đến để chứng kiến và lập biên bản xác nhận. Trong trường hợp chủ đầu tư đã thông báo, mà các Khu Quản lý giao thông đô thị không cử người đến để chứng kiến, thì chủ đầu tư có quyền lấp lún phui. Mọi thiệt hại cho công trình thoát nước, các Khu Quản lý giao thông đô thị phải chịu trách nhiệm.

Giao Sở Giao thông - Công chính ban hành mẫu thông báo, mẫu biên bản xác nhận trong vòng 30 ngày, kể từ ngày Quy định này có hiệu lực.

5. Tất cả các công trình xây dựng, phải đảm bảo khoảng cách với công trình thoát nước theo quy chuẩn xây dựng. Trong mọi trường hợp, đều không được xây dựng nhà cửa, chuồng trại, hoặc các công trình kiến trúc khác lên trên hầm cống, miệng cống, cửa xả. Không được trồng cây xanh lâu năm, trụ điện, trụ đèn chiếu sáng, trụ cáp viễn thông tựa trực tiếp lên bên trên lưng đường cống thoát nước.

Điều 8. Quy định về xả nước, chất thải vào hệ thống thoát nước

1. Tất cả các cá nhân và tổ chức khi xả nước, chất thải vào hệ thống thoát nước công cộng phải tuân thủ:

a) Không được thải chất thải rắn;

b) Trong trường hợp xả nước thải vào nguồn nước, thì phải có giấy phép của cơ quan thẩm quyền được quy định tại Điều 13 Nghị định số 149/2004/NĐ-CP, ngày 27 tháng 7 năm 2004 của Chính phủ về quy định việc cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước và Quyết định số 17/2006/QĐ-UBND, ngày 09 tháng 02 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố về Quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn thành phố. Trừ các trường hợp được miễn xin phép được quy định tại khoản 2 Điều 6 của Quy định này;

c) Nước thải vào hệ thống thoát nước phải đạt tiêu chuẩn môi trường theo quy định;

d) Không được làm cản trở đường thoát nước công cộng, trừ trường hợp được cơ quan quản lý quy định tại khoản 2 Điều 3 của Quy định này cho phép.

2. Trong trường hợp đặc biệt, công trình thoát nước buộc phải qua bất động sản liền kề, thì chủ sở hữu bất động sản liền kề không được quyền ngăn cản. Chủ đầu tư phải hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại cho chủ bất động sản liền kề; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường.

3. Các công trình thoát nước nằm bên ngoài khuôn viên bất động sản, không phân biệt nguồn vốn đầu tư, có thời gian sử dụng trên 02 (hai) năm, đương nhiên trở thành công trình thoát nước công cộng và chủ đầu tư không được đòi bồi thường. Trong trường hợp các công trình này được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách, có thời gian sử dụng chưa đến 02 (hai) năm, nếu có thêm đối tượng khác sử dụng chung đường cống này, thì đối tượng sử dụng sau phải có trách nhiệm chia sẻ kinh phí đầu tư hợp lý mà đối tượng trước đã bỏ ra để đầu tư. Việc xác định mức chia sẻ kinh phí phải được các bên thống nhất ngay từ đầu, trước khi cơ quan thẩm quyền cho phép xây dựng công trình.

Chương III**QUY ĐỊNH VỀ CÁC TRÌNH TỰ THỦ TỤC
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH THOÁT NƯỚC****Điều 9. Thủ tục thẩm định thiết kế cơ sở của công trình thoát nước**

1. Thành phần hồ sơ:

- a) Văn bản đề nghị thẩm định thiết kế cơ sở;
- b) Bản vẽ thiết kế cơ sở;
- c) Thuyết minh thiết kế cơ sở;

(Nội dung bản vẽ và thuyết minh thiết kế cơ sở theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07 tháng 02 năm 2005 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 112/2006/NĐ-CP, ngày 29 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 16/2005/NĐ-CP).

d) Đối với công trình thoát nước xây dựng trong khu dân cư mới, khu đô thị mới, thành phần hồ sơ phải bổ sung: Bản vẽ quy hoạch chi tiết kèm Quyết định phê duyệt; Quyết định giao, thuê đất kèm bản đồ hiện trạng vị trí.

2. Cơ quan thẩm định thiết kế cơ sở:

(Thực hiện theo quy định tại khoản 3.6 Điều 3, khoản 13.1 và 13.2 Điều 13 của Quy định về quản lý các dự án đầu tư trong nước được ban hành theo Quyết định số 109/2005/QĐ-UBND, ngày 20 tháng 6 năm 2005 của Ủy ban nhân dân thành phố, hoặc quy định khác thay thế)

a) Sở Giao thông - Công chính: Thẩm định thiết kế cơ sở các công trình thoát nước, hoặc các công trình đường có bao gồm hệ thống thoát nước thuộc nhóm B, C và các công trình thoát nước thuộc các khu dân cư mới, khu đô thị mới.

b) Ủy ban nhân dân quận - huyện: Thẩm định thiết kế cơ sở các công trình thoát nước, hoặc công trình đường có bao gồm hệ thống thoát nước được phân cấp cho Ủy ban nhân dân quận - huyện quyết định đầu tư có tổng mức đầu tư dưới 05 (năm) tỷ đồng.

3. Thời gian thẩm định thiết kế cơ sở: Không quá 10 ngày làm việc đối với công trình nhóm C và không quá 15 ngày làm việc đối với công trình nhóm B, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

4. Các công trình thoát nước không lập thiết kế cơ sở, thì được thay thế bằng thiết kế bản vẽ thi công.. Thẩm quyền và trình tự giải quyết như theo quy định nêu tại khoản 1, 2, 3 của Điều này.

(Về thẩm quyền thẩm định thiết kế bản vẽ thi công: thực hiện theo quy định tại Quyết định số 109/2005/QĐ-UBND, ngày 20 tháng 6 năm 2005 của Ủy ban nhân dân thành phố về Công tác quản lý các dự án đầu tư trong nước hoặc quy định khác thay thế).

Điều 10. Thủ tục xin phép đầu nối đường thoát nước

1. Thành phần hồ sơ:

- a) Đơn (đối với cá nhân) hoặc văn bản (đối với tổ chức) xin phép đấu nối;
- b) Họa đồ vị trí khu vực đấu nối;
- c) Bản vẽ thiết kế đấu nối.

2. Nơi tiếp nhận và trình tự giải quyết hồ sơ:

Các cơ quan cấp phép đấu nối, được quy định tại khoản 3 Điều 6 của Quy định này, tổ chức tiếp nhận hồ sơ xin phép đấu nối.

Sau khi tiếp nhận đầy đủ hồ sơ, các cơ quan cấp phép tổ chức kiểm tra để cấp phép đấu nối.

3. Thời gian giải quyết hồ sơ: 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Giao Sở Giao thông - Công chính hướng dẫn triển khai thực hiện việc cấp phép đấu nối và ban hành các biểu mẫu cho hồ sơ cấp phép này.

Điều 11. Thủ tục xin thỏa thuận vị trí lắp đặt công trình ngầm

Khi xây dựng các công trình ngầm được quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 2, chủ đầu tư phải xin thỏa thuận về vị trí và độ sâu lắp đặt với các Khu Quản lý giao thông đô thị.

1. Thành phần hồ sơ:

- a) Văn bản xin thỏa thuận;
- b) Bản vẽ mặt bằng, mặt cắt ngang, mặt cắt dọc công trình ngầm.

2. Thời gian giải quyết hồ sơ: 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.**Chương IV****TỔ CHỨC THỰC HIỆN****Điều 12. Xử lý các trường hợp xâm hại đến công trình thoát nước xảy ra trước ngày Quy định này có hiệu lực**

Đối với các trường hợp xâm hại xảy ra trước ngày Quy định này có hiệu lực:

1. Giao các Khu Quản lý giao thông đô thị được sử dụng nguồn kinh phí duy tu thoát nước để khảo sát, thống kê, đánh giá mức độ thiệt hại.

2. Các biện pháp xử lý như sau:

- a) Xâm hại do nhà ở, chuồng trại, các công trình kiến trúc khác: Ủy ban nhân

dân quận - huyện có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, phương án, chính sách để thực hiện các biện pháp di dời đúng theo các quy định hiện hành. Đặc biệt ưu tiên thực hiện di dời đối với các trường hợp lấn chiếm cửa xả, hầm cống, miệng cống.

b) Xâm hại do giao cắt với các công trình khác: Các công trình ngầm như đường ống cấp nước, cáp điện lực, cáp viễn thông, trụ điện, cây xanh và các công trình khác có giao cắt xâm hại đến công trình thoát nước thì chủ công trình có trách nhiệm thực hiện khẩn cấp các biện pháp hiệu lực, khả thi để khắc phục theo các quy định hiện hành, đảm bảo khôi phục hiện trạng thoát nước ban đầu.

3. Các trường hợp xâm hại phải bị xử lý nghiêm minh theo pháp luật.

Điều 13. Kiểm tra và xử lý vi phạm

1. Cơ quan quản lý hệ thống thoát nước phải thường xuyên kiểm tra, phát hiện những vi phạm xâm hại đến công trình thoát nước, để xử lý hoặc thông báo cho các cơ quan chức năng xử lý.

2. Ủy ban nhân dân các cấp, Thanh tra chuyên ngành (Giao thông - Công chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường) và Thủ trưởng cơ quan thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành có trách nhiệm kiểm tra và xử lý các vi phạm xâm hại đến công trình thoát nước theo thẩm quyền.

3. Tổ chức, cá nhân vi phạm Quy định này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm và hậu quả gây ra, sẽ bị xử lý hành chính hoặc bị truy tố trước pháp luật.

Điều 14. Điều khoản thi hành

Giám đốc Sở Giao thông - Công chính có trách nhiệm hướng dẫn, tổ chức thi hành Quy định này. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hay cần thiết phải sửa đổi bổ sung cho phù hợp với các quy định pháp luật mới ban hành và tình hình thực tế, Sở Giao thông - Công chính có trách nhiệm tổng hợp và đề xuất trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét điều chỉnh./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hữu Tín

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 186/2006/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 12 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

**Về cấp phép cho xe ô tô tải lưu thông trong giờ cao điểm,
lưu thông ban ngày vào nội đô thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 29 tháng 6 năm 2001;

Thực hiện Quyết định số 262/2004/QĐ-UB ngày 29 tháng 11 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về hạn chế xe vận tải nặng lưu thông trong khu vực nội đô thành phố Hồ Chí Minh; Quyết định số 621/QĐ-UB ngày 11 tháng 02 năm 2003, Quyết định số 878/QĐ-UB ngày 07 tháng 3 năm 2003, Quyết định số 2390/QĐ-UB ngày 27 tháng 6 năm 2003 và Quyết định số 4565/QĐ-UB ngày 24 tháng 10 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc cấm xe vận tải nhẹ lưu thông hàng ngày vào giờ cao điểm trong khu vực nội đô thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Công an thành phố tại Tờ trình số 93/TTr-CATP(PV11) ngày 14 tháng 12 năm 2006; ý kiến của Sở Tư pháp tại Công văn số 4120/STP-VB ngày 27 tháng 12 năm 2006,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

Quyết định này quy định về việc cấp phép cho xe ô tô vận tải lưu thông trong giờ cao điểm, lưu thông ban ngày vào nội đô thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là cấp phép); được áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan trên địa bàn thành phố.

Điều 2. Thẩm quyền cấp phép

1. Giao cho Công an thành phố thực hiện việc cấp giấy phép cho xe ô tô vận tải lưu thông vào nội đô trong giờ cao điểm, lưu thông ban ngày vào nội đô thành phố Hồ Chí Minh.

2. Đối với các loại xe, phương tiện ngoài đối tượng được quy định tại khoản 1 và 2 Điều 3 Quyết định này, Công an thành phố cấp phép và phù hiệu cho từng xe cụ thể sau khi có văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 3. Đối tượng được cấp phép

1. Các loại xe tải, xe chuyên dùng, xe máy chuyên dùng phục vụ dịch vụ công ích, công trình công cộng theo Điều 1 Quyết định số 2390/QĐ-UB ngày 27 tháng 6 năm 2003 và Điều 5 Quyết định số 262/2004/QĐ-UB ngày 29 tháng 11 năm 2004, được cấp phép và phù hiệu lưu thông dài hạn tất cả các tuyến đường (kể cả đường cấm xe tải) trong giờ cao điểm bao gồm:

a) Xe sửa chữa công trình điện của Công ty Điện lực thành phố;

b) Xe ứng cứu thông tin của Bưu điện thành phố;

c) Xe sửa chữa công trình chiếu sáng công cộng; cầu đường; cấp thoát nước; vận chuyển rác; xe máy chăm sóc công viên cây xanh của các doanh nghiệp; xe cứu hộ cứu nạn của Công an thành phố, Sở Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy;

d) Xe của lực lượng Công an, Thanh tra giao thông công chính làm nhiệm vụ.

2. Các xe tải, xe chuyên dùng của đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp và tư nhân được xét cấp phép lưu thông ngoài giờ cao điểm trên một số tuyến đường cụ thể với thời hạn nhất định, bao gồm:

a) Xe chở tiền của các ngân hàng, kho bạc Nhà nước;

b) Xe chở hàng phục vụ bệnh viện, cây giống, con giống, vắc xin, nước sạch, thực phẩm tươi sống không thể đông lạnh;

c) Xe chở hàng hóa, thực phẩm phục vụ ngành hàng không, đường sắt, các bếp ăn tập thể và cơ sở kinh doanh ăn uống;

d) Xe chở bê tông tươi và thi công các công trình buộc phải thi công ban ngày.

3. Ngoài các loại xe, phương tiện quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, việc cấp phép cho các loại xe, phương tiện khác lưu thông vào nội đô thành phố trong giờ cao điểm phải được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 4. Trình tự cấp phép

1. Hồ sơ cấp phép bao gồm:

a) Chứng minh nhân dân của chủ phương tiện (*nếu chủ phương tiện không trực tiếp đến nộp hồ sơ cấp phép phải có giấy ủy quyền hoặc cùng chung hộ khẩu*) hoặc giấy giới thiệu (*nếu là cơ quan, công ty, doanh nghiệp...*);

b) Công văn của cơ quan hoặc tổ chức, đơn của cá nhân có nhu cầu vận chuyển hoặc được phục vụ, trình bày rõ lý do, số lượng phương tiện, địa điểm, lộ trình (*có sơ đồ kèm theo*), thời gian lưu thông cần được cấp phép;

c) Giấy tờ phương tiện (*photo kèm bản chính để đối chiếu*): Giấy chứng nhận đăng ký xe, sổ kiểm định kỹ thuật;

d) Đối với xe quá tải, quá khổ phải có giấy phép của ngành giao thông vận tải theo quy định;

e) Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, hợp đồng thuê xe.

2. Thời gian giải quyết:

Thời gian cấp phép không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

3. Thời hạn của giấy phép:

Thời hạn của giấy phép được cấp theo yêu cầu của đơn vị, cá nhân nhưng tối đa không quá 06 tháng.

4. Lệ phí cấp phép: thực hiện theo quy định của Thông tư số 76/2004/TT-BTC ngày 29 tháng 7 năm 2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Công an thành phố có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận hồ sơ và cấp phép lưu thông theo quy định tại Quyết định này và phải đảm bảo tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân xin phép. Trường hợp cấp phép cho các loại xe, phương tiện ngoài khoản 1 và 2 Điều 3 Quyết định này, Công an thành phố tiếp nhận hồ sơ và đề xuất cho Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

b) Ban hành mẫu phù hiệu dán trên kính xe phía trước đối với các loại xe được cấp phép lưu thông vào nội đô thành phố trong giờ cao điểm, lưu thông vào ban ngày để thuận tiện cho việc giám sát, kiểm tra.

c) Chỉ đạo và kiểm tra Phòng Cảnh sát Giao thông đường bộ tiếp nhận hồ sơ,

kiểm tra khảo sát lộ trình lưu thông để cấp phép và phù hiệu cho từng xe theo quy định nhằm thực hiện có hiệu quả công tác phòng chống ùn tắc giao thông.

d) Tổ chức kiểm tra việc thực hiện của các đối tượng được cấp phép kể cả hàng hóa vận chuyển theo giấy phép.

2. Công an thành phố chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông - Công chính để triển khai thực hiện các nội dung tại Quyết định này; tổng hợp những vướng mắc, khó khăn phát sinh trong quá trình thực hiện, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, điều chỉnh.

3. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân được cấp phép:

a) Thực hiện đúng quy định trong giấy phép;

b) Các đơn vị, cá nhân không thực hiện đúng các nội dung quy định trong giấy phép sẽ bị thu hồi giấy phép.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký; bãi bỏ Công văn số 3508/UB-ĐT ngày 28 tháng 7 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố về ủy quyền cấp phép lưu hành cho các loại xe tải chuyên dùng cần thiết ra vào nội đô thành phố và lưu thông trong giờ cao điểm, vào đường cấm.

2. Các giấy phép lưu hành do Phòng Cảnh sát Giao thông đường bộ - Công an thành phố đã cấp trước khi Quyết định này có hiệu lực, vẫn có giá trị thực hiện đến khi hết hạn.

3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Công an thành phố, Giám đốc Sở Giao thông - Công chính, Thủ trưởng các sở - ngành của thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Tín

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 187/2006/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 12 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

*Về nâng mức phụ cấp đối với cán bộ, viên chức công tác
tại Trạm Y tế phường - xã, thị trấn trên địa bàn thành phố*

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 93/2001/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2001 của Chính phủ về phân cấp quản lý một số lĩnh vực cho thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 64/2006/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2006 của Hội đồng nhân dân thành phố khóa VII, kỳ họp thứ 9 về nâng mức phụ cấp đối với cán bộ, viên chức công tác tại Trạm Y tế phường - xã, thị trấn trên địa bàn thành phố;

Xét đề nghị của Liên Sở Nội vụ - Sở Y tế - Sở Tài chính tại Tờ trình số 1337/TTLS-TC-YT ngày 14 tháng 11 năm 2006 về nâng mức phụ cấp đối với cán bộ, viên chức công tác tại Trạm Y tế phường - xã, thị trấn trên địa bàn thành phố và Tờ trình số 830/TTr-SNV ngày 27 tháng 12 năm 2006 của Giám đốc Sở Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay nâng mức phụ cấp đối với cán bộ, viên chức công tác tại Trạm Y tế phường - xã, thị trấn trên địa bàn thành phố như sau:

1. Bác sĩ, Cử nhân điều dưỡng, Cử nhân y tế cộng đồng công tác tại xã, thị trấn mức phụ cấp 800.000 đồng/người/tháng; tại phường 600.000 đồng/người/tháng.

2. Y sĩ, Điều dưỡng, Nữ hộ sinh, Kỹ thuật viên trung cấp công tác tại xã, thị trấn mức phụ cấp 400.000 đồng/người/tháng; tại phường 300.000 đồng/người/tháng.

3. Y tá và nhân viên khác công tác tại xã, thị trấn mức phụ cấp 300.000 đồng/người/tháng; tại phường 200.000 đồng/người/tháng.

4. Đối tượng được hưởng phụ cấp: Cán bộ, viên chức công tác tại Trạm Y tế

phường - xã, thị trấn trong chỉ tiêu biên chế được giao.

5. Thời gian thực hiện: áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2007.

Điều 2. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Y tế hướng dẫn thực hiện Quyết định này và phân bổ kinh phí cho các Trung tâm Y tế quận - huyện để triển khai thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế cho Quyết định số 81/2005/QĐ-UB ngày 20 tháng 5 năm 2005 của Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 4. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các cơ quan liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Thành Tài

QUẬN 6**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
QUẬN 6****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 17/2006/NQ-HĐND

*Quận 6, ngày 20 tháng 12 năm 2006***NGHỊ QUYẾT****Về nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2007****HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN QUẬN 6
KHÓA IX KỲ HỌP THỨ 8**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Sau khi xem xét các báo cáo của Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân quận; các Báo cáo thẩm tra số 05/BC-KTXH ngày 11 tháng 12 năm 2006 của Ban Kinh tế - Xã hội, Ban Pháp chế - Hội đồng nhân dân quận; phát biểu của Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân quận,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí các báo cáo của Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban Kinh tế - Xã hội, Ban Pháp chế - Hội đồng nhân dân quận.

Điều 2. Nhất trí báo cáo của Ủy ban nhân dân quận về đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội trên địa bàn quận năm 2006; mục tiêu, nhiệm vụ, chỉ tiêu và các giải pháp phát triển kinh tế - xã hội năm 2007.

Trong năm 2006, tình hình sản xuất kinh doanh trên địa bàn quận tiếp tục duy trì tốc độ phát triển: giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tăng 10,67%, tổng doanh thu thương mại - dịch vụ tăng 18,08% so với năm 2005; ước tổng thu ngân sách Nhà nước 124,67% kế hoạch, thu ngân sách địa phương đạt 109,07% kế hoạch, chi ngân sách địa phương đạt 97,40% kế hoạch; ước thu thuế đạt 100,32% kế hoạch và tăng 3,93% so với năm 2005. Các hoạt động văn hóa, thông tin tuyên truyền, thể dục thể thao, chăm sóc sức khỏe nhân dân, chăm lo gia đình chính sách,

công tác giảm hộ nghèo đạt kết quả tốt; tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tiếp tục được giữ vững.

Bên cạnh những kết quả đạt được, còn những mặt hạn chế, tồn tại như: thuế công thương nghiệp ngoài quốc doanh chỉ đạt 90,81% kế hoạch; công tác lập dự án, quyết toán công trình chậm; quỹ nhà tái định cư chưa đáp ứng được yêu cầu dẫn đến việc chậm giải quyết tái định cư cho các hộ dân thuộc diện giải tỏa di dời, làm ảnh hưởng đến tiến độ triển khai thực hiện các dự án; tình hình sản xuất gây ô nhiễm môi trường chưa được giải quyết triệt để; công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chưa đạt so với kế hoạch đã đề ra; việc thi hành các quyết định xử phạt vi phạm hành chính trên lĩnh vực xây dựng chưa được thực hiện nghiêm túc; chưa đạt được chỉ tiêu về công tác phổ cập giáo dục bậc trung học; tình hình phạm pháp hình sự tuy có giảm 12,18% so với năm 2005, nhưng các loại án cướp giật và trộm cắp còn chiếm tỷ lệ cao, tội phạm ma túy vẫn còn tiềm ẩn, tệ nạn cờ bạc còn khá phổ biến.

Điều 3. Mục tiêu và các chỉ tiêu chủ yếu năm 2007

1. Mục tiêu:

Duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế; phát huy mọi tiềm năng, nguồn lực cho đầu tư phát triển kinh tế - xã hội; tăng cường trật tự kỷ cương trong lĩnh vực quản lý đô thị; nâng cao chất lượng đời sống vật chất, văn hóa của nhân dân, thực hiện tốt các mục tiêu giảm hộ nghèo, giải quyết có hiệu quả những vấn đề bức xúc về kinh tế - xã hội. Nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước; tiếp tục thực hiện “Năm cải cách hành chính”, chống quan liêu, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; ổn định tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn quận.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu:

- Tổng doanh thu thương mại - dịch vụ tăng 18% so với năm 2006.
- Giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tăng trên 10% so với năm 2006.
- Tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn: 381,9 tỷ đồng.
- Thu ngân sách địa phương: 147,256 tỷ đồng.
- Chi ngân sách địa phương: 147,256 tỷ đồng.
- Giải quyết việc làm 10.000 lao động.
- Phân đầu hoàn thành công tác giảm hộ nghèo theo tiêu chí 6.000.000 đồng/người/năm.

- Hoàn thành cơ bản công tác phổ cập bậc trung học (13/14 phường hoàn thành phổ cập bậc trung học).

- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 0,75%.

- Phần đầu kéo giảm số vụ phạm pháp hình sự từ 05% trở lên so với năm 2006, đấu tranh phá án đạt tỷ lệ 60%; giữ địa bàn không có điểm, tụ điểm về ma túy, không có điểm tổ chức mại dâm.

3. Nhiệm vụ và các giải pháp chính:

Để thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ và các chỉ tiêu kinh tế - xã hội quận năm 2007, Hội đồng nhân dân quận đề nghị Ủy ban nhân dân, các cơ quan, đơn vị quận cần tập trung các vấn đề sau:

- Tiếp tục triển khai thực hiện đề án phát huy nội lực, thu hút vốn đầu tư phát triển kinh tế - xã hội; huy động mọi tiềm năng nguồn lực của các thành phần kinh tế, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Triển khai thực hiện nghiêm Luật Phòng, chống tham nhũng; Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Chống thất thoát các nguồn thu, phần đầu hoàn thành chỉ tiêu thu, chi ngân sách.

- Chống lãng phí, thất thoát trong đầu tư xây dựng; đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án xây dựng chung cư phục vụ tái định cư theo tinh thần Chỉ thị số 24/2004/CT-UB của Ủy ban nhân dân thành phố. Tập trung giải quyết tái định cư cho các hộ tạm cư theo tinh thần Chỉ thị số 32/2006/CT-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố. Kiến nghị và phối hợp với các Sở - ngành thành phố triển khai thực hiện các công trình giải quyết tình trạng ngập nước trên địa bàn quận.

- Hoàn thành công tác quy hoạch chung, quy hoạch chi tiết, quy hoạch hẻm trên địa bàn quận sau khi được phê duyệt. Nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước trong lĩnh vực quản lý đô thị. Củng cố tổ chức bộ máy, quy trình, tác nghiệp triển khai thực hiện tốt công tác cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất.

- Tăng cường công tác quản lý Nhà nước và nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa, giáo dục, y tế, thể dục - thể thao; thực hiện tốt các chính sách xã hội, giới thiệu và giải quyết việc làm cho người lao động, nâng cao chất lượng hiệu quả chương trình giảm hộ nghèo, đẩy mạnh công tác phổ cập bậc trung học.

- Tiếp tục đẩy mạnh phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”; tiếp tục thực hiện tốt kế hoạch tiếp nhận người chấp hành tốt thời gian sau cai nghiện tái hòa nhập cộng đồng,

thực hiện có hiệu quả chương trình mục tiêu ba giảm; giữ vững ổn định tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả “Năm cải cách hành chính”, phục vụ tốt yêu cầu của nhân dân; đẩy mạnh việc thi hành các quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Tăng cường công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân đúng quy định của pháp luật và kịp thời giải quyết những vấn đề bức xúc của nhân dân.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

- Giao Ủy ban nhân dân quận có kế hoạch chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc quận tổ chức thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2007.

- Thường trực Hội đồng nhân dân, 02 Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân quận phối hợp giám sát, kiểm tra nhằm kịp thời đôn đốc, chấn chỉnh những thiếu sót trong quá trình tổ chức thực hiện Nghị quyết.

- Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận và các tổ chức thành viên phối hợp chặt chẽ với các cơ quan Nhà nước vận động mọi tầng lớp nhân dân tích cực tham gia thực hiện thắng lợi Nghị quyết này.

Nghị quyết được Hội đồng nhân dân quận 6 khóa IX, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 20 tháng 12 năm 2006./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Thọ

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
QUẬN 6

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 18/2006/NQ-HĐND

Quận 6, ngày 20 tháng 12 năm 2006

NGHỊ QUYẾT

Về tình hình thu, chi ngân sách năm 2006;
điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2006;
Dự toán thu, chi ngân sách và phân bổ dự toán ngân sách năm 2007

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN QUẬN 6
KHÓA IX KỲ HỌP THỨ 8

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2002;

Căn cứ Quyết định số 178/2006/QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về giao chỉ tiêu dự toán thu - chi ngân sách Nhà nước năm 2007;

Sau khi xem xét báo cáo về việc điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2006; tình hình thu, chi ngân sách năm 2006; dự toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán ngân sách năm 2006 của Ủy ban nhân dân quận; Báo cáo thẩm tra số 04/BC-KTXH ngày 11 tháng 12 năm 2006 của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân quận và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân quận,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Về thực hiện thu, chi ngân sách năm 2006

Căn cứ Nghị quyết số 11/2005/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2005 của Hội đồng nhân dân quận về dự toán thu, chi ngân sách quận năm 2006 và Nghị quyết số 06/2006/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2006 của Hội đồng nhân dân quận về điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2006. Hội đồng nhân dân quận ghi nhận:

Ủy ban nhân dân quận đã có nhiều nỗ lực trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ tài chính - ngân sách năm 2006 và đạt được những kết quả khả quan. Ước các khoản thu đều đạt và vượt dự toán, chỉ riêng thu thuế công thương nghiệp ngoài quốc doanh ước đạt 90,81% kế hoạch, nhưng tăng 21,93% so với năm 2005; đảm bảo nhiệm vụ chi đầu tư phát triển và nhiệm vụ chi thường xuyên. Ủy ban nhân dân quận tiếp tục có giải pháp đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ ngân sách năm 2006.

Điều 2. Chấp thuận điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2006

- Tổng thu ngân sách địa phương: 174,898 tỷ đồng.
- Tổng chi ngân sách địa phương: 174,898 tỷ đồng.

Điều 3. Thông qua dự toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán ngân sách quận năm 2007

1. Tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn: **381,900** tỷ đồng.
2. Tổng thu ngân sách địa phương: **147,256** tỷ đồng (chưa kể nguồn xây dựng cơ bản do Thành phố phân cấp).

3. Tổng chi ngân sách địa phương: **147,256** tỷ đồng.
4. Dự toán thu, chi ngân sách quận: **138,409** tỷ đồng.

Trong đó:

- Chi thường xuyên ngân sách quận: 115,660 tỷ đồng.
- Chi bổ sung ngân sách cấp phường: 22,749 tỷ đồng.
- 5. Dự toán thu, chi ngân sách cấp phường: **31,596** tỷ đồng.

Trong đó:

- Thu ngân sách phường hưởng theo phân cấp: 8,847 tỷ đồng.
- Ngân sách quận cấp bổ sung: 22,749 tỷ đồng.

Ủy ban nhân dân quận phân bổ ngân sách quận năm 2007 cho từng cơ quan, ban ngành quận, phường trước ngày 23 tháng 12 năm 2006; chỉ đạo Ủy ban nhân dân phường trình Hội đồng nhân dân phường quyết định dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán ngân sách phường và chỉ đạo các cơ quan, ban ngành quận, phường triển khai dự toán thu, chi ngân sách năm 2007 trước ngày 31 tháng 12 năm 2006

Điều 4. Giao Ủy ban nhân dân quận

Căn cứ Nghị quyết Hội đồng nhân dân quận giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách cho từng cơ quan, ban ngành quận theo đúng quy định.

Tổ chức triển khai thực hiện ngay từ đầu năm công tác thu ngân sách; quản lý chặt chẽ các nguồn thu, tập trung xử lý những khoản nợ đọng thu nộp ngân sách; phân đấu thu đạt và vượt kế hoạch để đảm bảo cân đối chi theo kế hoạch. Đẩy mạnh xã hội hóa các lĩnh vực văn hóa - xã hội; huy động tối đa các nguồn lực cho đầu tư phát triển và thực hiện chính sách xã hội.

Thực hiện đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước; điều hành, quản lý và sử dụng ngân sách có hiệu quả; chống lãng phí, thực hành tiết kiệm trong chi đầu tư xây dựng cơ bản, chi thường xuyên; đồng thời tăng cường kiểm tra, thanh tra việc sử dụng ngân sách; kiên quyết xuất toán những khoản chi không đúng quy định và chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 5. Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban Kinh tế - Xã hội, Ban Pháp chế, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân quận tổ chức giám sát việc thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách năm 2007.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân quận 6 khóa IX, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 20 tháng 12 năm 2006./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Thọ

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
QUẬN 6

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 19/2006/NQ-HĐND

Quận 6, ngày 20 tháng 12 năm 2006

NGHỊ QUYẾT

***Về phân loại đơn vị hành chính phường trên địa bàn
quận 6 theo tinh thần Nghị định số 159/2005/NĐ-CP
ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ***

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN QUẬN 6
KHÓA IX KỲ HỌP THỨ 8

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 159/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ về phân loại đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn;

Sau khi xem xét Tờ trình số 4470/TTr-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban nhân dân quận 6 về phân loại đơn vị hành chính phường trên địa bàn quận 6 theo tinh thần Nghị định số 159/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ; Báo cáo thẩm tra số 02/BC-BPC ngày 11 tháng 12 năm 2006 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân quận và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân quận,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Chấp thuận thông qua nội dung tờ trình của Ủy ban nhân dân quận 6 với kết quả phân loại đơn vị hành chính phường trên địa bàn quận 6 như sau:

- Phường 1 : Phường loại 2
- Phường 2 : Phường loại 2
- Phường 3 : Phường loại 2
- Phường 4 : Phường loại 2
- Phường 5 : Phường loại 1
- Phường 6 : Phường loại 1

- Phường 7 : Phường loại 1
- Phường 8 : Phường loại 1
- Phường 9 : Phường loại 1
- Phường 10 : Phường loại 1
- Phường 11 : Phường loại 1
- Phường 12 : Phường loại 1
- Phường 13 : Phường loại 1
- Phường 14 : Phường loại 1

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân quận 6 hoàn chỉnh thủ tục trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét và quyết định việc phân loại đơn vị hành chính phường trên địa bàn quận 6.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân quận 6 khóa IX, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 20 tháng 12 năm 2006./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Thọ

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
QUẬN 6

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 20/2006/NQ-HĐND

Quận 6, ngày 20 tháng 12 năm 2006

NGHỊ QUYẾT

***Về thực hiện công tác phòng chống vi phạm pháp luật
và hoạt động tư pháp quận 6 năm 2007***

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN QUẬN 6
KHÓA IX KỲ HỌP THỨ 8

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Sau khi xem xét báo cáo của Ủy ban nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân, Thi hành án dân sự quận 6; Báo cáo thẩm tra số 03/BC-BPC ngày 11 tháng 12 năm 2006 của Ban Pháp chế - Hội đồng nhân dân quận; ý kiến của các cơ quan hữu quan và đại biểu Hội đồng nhân dân quận,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí với báo cáo của Ủy ban nhân dân, Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân, Thi hành án dân sự quận và báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân quận về công tác bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; phòng chống vi phạm pháp luật, tội phạm, bài trừ tệ nạn xã hội; chấp hành pháp luật của các cơ quan tư pháp; hoạt động kiểm sát, xét xử và thi hành án dân sự trên địa bàn quận trong năm 2006.

Nhìn chung, tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn quận ổn định. Lực lượng Công an đã có nhiều cố gắng triển khai nhiều biện pháp trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm nên số vụ phạm pháp hình sự giảm 12,18% so với năm 2005. Công tác kiểm sát thực hiện đúng luật định, đảm bảo tốt các khâu kiểm sát các hoạt động tư pháp, thực hành quyền công tố; giải quyết án đạt 97,43%. Hoạt động xét xử của Tòa án nhân dân đúng quy định, xét xử đúng người, đúng tội, công khai, dân chủ, độc lập, tuân thủ theo pháp luật, tỷ lệ các loại án giải quyết đạt kết quả cao: hình sự đạt 99%, dân sự 94,31%; hôn nhân gia đình đạt 99%; hành

chính, kinh tế, lao động đạt 100%. Công tác thi hành án dân sự chuyển biến tích cực, số vụ việc giải quyết cao hơn số mới thụ lý là 258 việc, số việc đã giải quyết so với số việc có điều kiện thi hành đạt 92,6%.

Các cơ quan tư pháp đã thực hiện tốt công tác phối hợp, có nhiều biện pháp trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, xử lý tin báo tố giác tội phạm; thực hiện đạt và vượt hầu hết các chỉ tiêu mà Nghị quyết Hội đồng nhân dân quận đã đề ra trong năm 2006. Tuy nhiên, công tác phòng ngừa xã hội và phòng ngừa nghiệp vụ vẫn còn nhiều hạn chế; công tác quản lý địa bàn, phát hiện và đưa đối tượng vào diện quản lý còn yếu; tội phạm cướp tài sản tăng 7,2%; đối tượng phạm tội là người địa phương chiếm 37,26% (tăng 6 tháng cuối năm 2006 là 25,93%); tỷ lệ phá án chưa đạt chỉ tiêu đề ra (đạt 57,41% - chỉ tiêu 60%); tệ nạn ma túy vẫn còn tiềm ẩn và diễn biến phức tạp; tệ nạn cờ bạc, ghi số đề tuy đã bị tấn công, triệt phá mạnh, song vẫn còn phổ biến; tỷ lệ hồ sơ Tòa án trả lại Viện Kiểm sát chiếm tỷ lệ 5,52% cao hơn chỉ tiêu đề ra là không quá 5%.

Điều 2. Về mục tiêu, chỉ tiêu thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội, cải cách tư pháp năm 2007

1. Mục tiêu:

Tăng cường công tác đấu tranh kéo giảm tội phạm, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Đẩy mạnh thực hiện công tác cải cách tư pháp, thực hiện tốt quy chế phối hợp giữa các cơ quan: Công an - Viện Kiểm sát nhân dân - Tòa án nhân dân - Thi hành án dân sự trong công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án đúng luật định, nghiêm minh, không làm oan người vô tội, bỏ lọt tội phạm; không để xảy ra vi phạm và kỷ luật ngành của cán bộ công chức trong thực thi nhiệm vụ.

2. Chỉ tiêu:

- Công an quận thực hiện có hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm, phấn đấu kéo giảm số vụ phạm pháp hình sự từ 5% trở lên so với năm 2006, đấu tranh phá án đạt tỷ lệ 60%; giữ vững địa bàn không có điểm, tụ điểm về ma túy, không có điểm tổ chức mại dâm.

- Viện Kiểm sát nhân dân quận giải quyết trên 92% số án kết thúc, truy tố 99% số án giải quyết; tỷ lệ hồ sơ Tòa án trả lại Viện Kiểm sát không quá 5%; Viện Kiểm sát trả lại Công an không quá 6%. Kiểm sát viên tham gia 100% các phiên tòa xét xử án hành chính.

- Tòa án nhân dân quận xét xử án hình sự đạt từ 95% trở lên, các loại án còn lại

đạt từ 86% trở lên; tỷ lệ án hủy toàn bộ, hủy một phần dưới 1,16%, án sửa dưới 4,21% trong tổng số án xét xử; không đề án tồn không có lý do chính đáng.

- Thi hành án dân sự quận phân đầu thực hiện đạt từ 95% trở lên số vụ việc có điều kiện thi hành; trong đó, thi hành xong hoàn toàn đạt từ 75% trở lên.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Giao Ủy ban nhân dân quận chỉ đạo các ngành chức năng, khối nội chính, Ủy ban nhân dân 14 phường phối hợp với Mặt trận, các đoàn thể; đẩy mạnh phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”, thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; tiếp tục hỗ trợ kinh phí hoạt động, trang bị phương tiện làm việc của các cơ quan tư pháp quận; Công an, quân sự 14 phường.

Các cơ quan tư pháp quận tiếp tục thực hiện có hiệu quả chương trình, kế hoạch thực hiện Nghị quyết 49-NQ/TW của Bộ Chính trị đối với ngành mình về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020; có kế hoạch triển khai thực hiện có hiệu quả các chỉ tiêu trên.

Thường trực Hội đồng nhân dân và Ban Pháp chế - Hội đồng nhân dân quận có kế hoạch cụ thể giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân quận 6 khóa IX, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 20 tháng 12 năm 2006./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Thọ

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
QUẬN 6

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 21/2006/NQ-HĐND

Quận 6, ngày 20 tháng 12 năm 2006

NGHỊ QUYẾT
Về chương trình hoạt động giám sát năm 2007

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN QUẬN 6
KHÓA IX KỲ HỌP THỨ 8

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Xét Tờ trình của Thường trực Hội đồng nhân dân quận về chương trình hoạt động giám sát năm 2007 và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân quận.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân quận giám sát tại kỳ họp việc thực hiện thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong lĩnh vực quản lý thu, chi, sử dụng ngân sách và quản lý đầu tư xây dựng.

Điều 2. Thường trực Hội đồng nhân dân và 02 Ban Hội đồng nhân dân quận tổ chức giám sát các nội dung sau:

1. Việc giải quyết ô nhiễm môi trường trên địa bàn quận.
2. Việc xây dựng và triển khai thực hiện chương trình quốc gia chăm sóc sức khỏe nhân dân.
3. Việc quản lý Nhà nước trên lĩnh vực văn hóa, giáo dục.
4. Chương trình mục tiêu 3 giảm.
5. Công tác cải cách hành chính.
6. Hoạt động của các cơ quan tư pháp.
7. Giám sát bằng hình thức: xem xét các báo cáo của các cơ quan chức năng, các vấn đề bức xúc của cử tri, ý kiến đề xuất của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc quận.

Điều 3. Căn cứ vào nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định, Thường trực Hội đồng

nhân dân quận điều hòa, phối hợp hoạt động giám sát của 2 Ban và đại biểu Hội đồng nhân dân quận.

Thường trực và 2 Ban Hội đồng nhân dân quận chủ động xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện chương trình giám sát; sau khi kết thúc từng nội dung giám sát có báo cáo kết quả giám sát đến đại biểu Hội đồng nhân dân quận.

Điều 4. Các cơ quan hữu quan có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi để Thường trực Hội đồng nhân dân, 2 Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân quận tiến hành hoạt động giám sát.

Điều 5. Thường trực Hội đồng nhân dân quận báo cáo tình hình thực hiện chương trình giám sát tại kỳ họp giữa năm và cuối năm 2007.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân quận 6 khóa IX, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 20 tháng 12 năm 2006./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Thọ

QUẬN BÌNH THẠNH**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THẠNH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 9640/2006/QĐ-UBND

Bình Thạnh, ngày 22 tháng 12 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH***Về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động
của Trung tâm Dạy nghề quận Bình Thạnh*****ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 776/2001/QĐ-BLĐTBXH ngày 09 tháng 8 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và xã hội;

Căn cứ Văn bản số 38/SNV ngày 19 tháng 01 năm 2005 của Sở Nội vụ thành phố về hướng dẫn sắp xếp lại tổ chức các cơ quan chuyên môn và các đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân quận, huyện;

Căn cứ Quyết định số 443/QĐ-UB ngày 25 tháng 9 năm 1984 của Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh về việc thành lập Trung tâm Dạy nghề quận Bình Thạnh;

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Dạy nghề và Trưởng Phòng Nội vụ quận Bình Thạnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Dạy nghề quận trực thuộc Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, thay thế Quyết định số 7985/QĐ-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2006 của Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận, Trưởng

Phòng Nội vụ, Giám đốc Trung tâm Dạy nghề quận, Thủ trưởng các phòng, ban trực thuộc Ủy ban nhân dân quận và Thủ trưởng đơn vị có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Quốc Hùng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THẠNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Về tổ chức và hoạt động của Trung tâm Dạy nghề trực thuộc Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 9640/2006/QĐ-UBND
ngày 22 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Vị trí và chức năng

Trung tâm Dạy nghề quận Bình Thạnh là cơ sở đào tạo nghề ngắn hạn thuộc hệ thống giáo dục quốc dân do cơ quan Nhà nước lập ra hoạt động theo quy định của pháp luật nhằm đào tạo nghề, bổ túc, bồi dưỡng nghề cho người lao động.

Trung tâm Dạy nghề quận Bình Thạnh là đơn vị sự nghiệp có thu, có tư cách pháp nhân, có tài khoản và có con dấu riêng.

Trung tâm Dạy nghề quận Bình Thạnh chịu sự quản lý Nhà nước về dạy nghề của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, sự hướng dẫn của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố sự quản lý trực tiếp của Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh là cơ quan ra quyết định thành lập và chịu sự quản lý theo lãnh thổ của chính quyền địa phương nơi Trung tâm đặt trụ sở.

Chương II

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA TRUNG TÂM DẠY NGHỀ QUẬN BÌNH THẠNH

Điều 2. Nhiệm vụ

1. Xây dựng kế hoạch dạy nghề ngắn hạn, bổ túc và bồi dưỡng nghề theo nhu cầu của thị trường lao động.

2. Xây dựng kế hoạch, nội dung chương trình giảng dạy phù hợp với nguyên tắc xây dựng chương trình đào tạo do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định.

3. Tổ chức dạy nghề ngắn hạn, bổ túc và bồi dưỡng nghề theo hợp đồng học nghề.

4. Tổ chức tập huấn nghề, phổ biến kiến thức khoa học kỹ thuật, công nghệ mới, kinh nghiệm sản xuất tiên tiến cho mọi đối tượng có nhu cầu.

5. Nhận người học thuộc diện đối tượng hưởng chính sách xã hội vào học nghề theo quy định của Chính phủ.

6. Tổ chức kiểm tra cuối khóa cho người học theo quy chế của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

7. Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên và cơ sở vật chất, tài sản thuộc Trung tâm theo quy định của pháp luật.

8. Tổ chức và hỗ trợ để giáo viên được tham gia bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm.

9. Khai thác, sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực, cơ sở vật chất kỹ thuật nhằm duy trì và phát triển công tác dạy nghề.

10. Định kỳ hàng quý, sáu tháng, hàng năm báo cáo về hoạt động của Trung tâm Dạy nghề với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh.

Điều 3. Quyền hạn

1. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, bổ túc và tập huấn nghề tại Trung tâm Dạy nghề, cơ sở sản xuất, cơ sở liên kết đào tạo.

2. Liên kết với các cơ sở sản xuất, trung tâm dạy nghề khác, trường dạy nghề, trường trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học trong và ngoài nước để tổ chức đào tạo, bổ túc và bồi dưỡng nghề theo quy định của pháp luật.

3. Phối hợp với trường phổ thông làm công tác giáo dục kỹ thuật tổng hợp và hướng nghiệp cho học sinh.

4. Phối hợp với các tổ chức kinh tế, giáo dục, y tế, văn hóa, nghiên cứu khoa học và các tổ chức, cá nhân khác trong việc nghiên cứu ứng dụng khoa học, kỹ thuật và công nghệ để gắn dạy nghề với việc làm.

5. Thu học phí theo quy định của Nhà nước hoặc theo sự phê duyệt của cấp chủ quản hoặc theo sự thỏa thuận được ghi trong hợp đồng không trái với quy định của pháp luật.

6. Cấp chứng chỉ nghề, giấy chứng nhận bồi dưỡng nghề cho người học đạt yêu cầu trong kỳ kiểm tra cuối khóa học.

7. Tổ chức kiểm tra cấp chứng chỉ nghề cho người lao động tự học nghề theo

hướng dẫn của Trung tâm và chương trình dạy nghề đã được duyệt.

8. Tổ chức sản xuất các sản phẩm, cung cấp các dịch vụ phù hợp với nghề dạy nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, khai thác các nguồn nhân lực trong và ngoài nước để duy trì và phát triển Trung tâm Dạy nghề.

9. Tư vấn học nghề, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp khóa học.

10. Ký hợp đồng giảng dạy với người có đủ tiêu chuẩn để giảng dạy tại Trung tâm Dạy nghề.

Chương III

QUẢN LÝ TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN

Điều 4. Quản lý tài chính và tài sản

Đối với Trung tâm Dạy nghề quận, việc quản lý tài chính, tài sản thực hiện theo chế độ quy định hiện hành như đối với đơn vị sự nghiệp có thu, cụ thể là thực hiện theo Nghị định số 43/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

Chương IV

TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ QUẢN LÝ

Điều 5. Bộ máy quản lý của Trung tâm Dạy nghề quận gồm

- Giám đốc.

- Giúp việc Giám đốc có các Phó Giám đốc và các bộ phận chuyên trách như Bộ phận đào tạo, Bộ phận Tổ chức - Hành chính, Kế toán - Tài vụ, Bộ phận quản lý thiết bị sản xuất kinh doanh dịch vụ (gọi tắt là Bộ phận Thiết bị - Vật tư).

- Từng bộ phận trên được tổ chức thành phòng chuyên môn như: Phòng Đào tạo; Phòng Tổ chức - Hành chính; Phòng Kế toán - Tài vụ và Phòng Thiết bị - Vật tư, phụ trách từng phòng do cá nhân đảm trách phù hợp với quy mô hoạt động của Trung tâm và do Giám đốc ra quyết định bổ nhiệm và miễn nhiệm Trưởng, Phó phòng. Người phụ trách các phòng phải là người có năng lực và kinh nghiệm phù hợp với công việc được giao và phải có trình độ từ Trung cấp trở lên.

- Bên cạnh đó, còn tổ chức các bộ môn để theo dõi việc dạy và học theo yêu cầu nhiệm vụ của Trung tâm và do Giám đốc phân công các Trưởng, Phó Bộ môn. Các Trưởng, Phó Bộ môn là những người có trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên phù hợp với ngành nghề đào tạo, có năng lực và kinh nghiệm trong giảng dạy.

Điều 6. Việc bổ nhiệm và miễn nhiệm Giám đốc, các Phó Giám đốc và Kế toán trưởng Trung tâm Dạy nghề do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định.

Điều 7. Giám đốc Trung tâm Dạy nghề phải có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực quản lý và am hiểu về công tác dạy nghề.

Điều 8. Giám đốc Trung tâm Dạy nghề có quyền

1. Là chủ tài khoản.

2. Đề nghị cơ quan quản lý cấp trên có thẩm quyền về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm các Phó Giám đốc và Kế toán trưởng. Được bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm các Trưởng, Phó phòng và Trưởng, Phó các bộ môn tại Trung tâm.

3. Đề xuất với cơ quan cấp trên có thẩm quyền các chủ trương, biện pháp có liên quan đến hoạt động của Trung tâm Dạy nghề như: sử dụng các nguồn vốn tự có dành cho việc phát triển cơ sở vật chất (như: mua sắm, chuyển đổi trang thiết bị cho phù hợp với yêu cầu của hoạt động dạy nghề, bổ túc, bồi dưỡng nghề) và cải thiện đời sống cho cán bộ, giáo viên, nhân viên công tác tại Trung tâm theo quy định của pháp luật .

4. Ký hợp đồng lao động với giáo viên, cán bộ, nhân viên Trung tâm; hợp đồng học nghề, bổ túc, bồi dưỡng nghề với người học theo quy định của pháp luật.

5. Ký hợp đồng liên kết với các cơ sở dạy nghề khác; cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong hoạt động dạy nghề, bổ túc, bồi dưỡng nghề hoặc sản xuất kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật.

6. Cấp chứng chỉ nghề, chứng nhận bồi dưỡng nghề cho người học đạt yêu cầu trong kỳ kiểm tra cuối khóa.

7. Quyết định việc khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên và người học trong phạm vi thẩm quyền được phân cấp quản lý.

Điều 9. Giám đốc Trung tâm Dạy nghề có nhiệm vụ sau

1. Chấp hành nghiêm chỉnh luật pháp, chính sách, chế độ, quy định của Nhà nước, chịu trách nhiệm trước pháp luật và cơ quan cấp trên trực tiếp về mọi hoạt động của Trung tâm Dạy nghề.

2. Xây dựng và thực hiện các chỉ tiêu, kế hoạch dạy nghề, bổ túc nghề và bồi dưỡng nghề.

3. Quản lý và chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo, bồi dưỡng và bổ túc nghề cũng như các hoạt động khác của Trung tâm Dạy nghề.

4. Thường xuyên chăm lo cải thiện điều kiện làm việc, giảng dạy, học tập, đời

sống vật chất, tinh thần cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và người học.

Định kỳ hàng quý, sáu tháng, hàng năm báo cáo về tình hình hoạt động của Trung tâm Dạy nghề với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Ủy ban nhân dân quận.

Điều 10. Phó Giám đốc của Trung tâm là người có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực quản lý và am hiểu về nghiệp vụ sư phạm và được Giám đốc phân công, phân nhiệm cụ thể bằng văn bản. Phó Giám đốc và người phụ trách bộ phận chuyên trách và các bộ môn là người chịu trách nhiệm trước Giám đốc về những công việc được giao.

Chương V

GIÁO VIÊN VÀ CÁN BỘ, NHÂN VIÊN

Điều 11. Giáo viên Trung tâm Dạy nghề

Là những người có đủ trình độ chuẩn theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 02/2001/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2001 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Bộ Luật Lao động và Luật Giáo dục về dạy nghề, được tuyển dụng theo tiêu chuẩn chức danh quy định của Nhà nước. Giáo viên dạy hợp đồng do Giám đốc Trung tâm ký hợp đồng theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Quyền của Giáo viên Trung tâm Dạy nghề

1. Được sử dụng cơ sở vật chất, kỹ thuật, trang thiết bị, tài liệu, đồ dùng dạy học và các phương tiện khác của Trung tâm Dạy nghề để thực hiện nghiên cứu, giảng dạy trong phạm vi trách nhiệm được giao.

2. Được hưởng các quyền lợi theo chế độ hiện hành của Nhà nước đối với giáo viên dạy nghề và hợp đồng đã ký với Giám đốc Trung tâm Dạy nghề.

3. Được tham gia bàn bạc, góp ý, đánh giá về chương trình, nội dung, phương pháp giảng dạy, phương pháp quản lý và các hoạt động khác của Trung tâm Dạy nghề.

4. Được dự giờ, bồi dưỡng nâng cao tay nghề và phương pháp sư phạm.

5. Được tuyên dương khen thưởng khi có thành tích trong giảng dạy và công tác.

6. Được hợp đồng thỉnh giảng, nghiên cứu khoa học với các cơ quan hay đơn vị khác.

7. Được hưởng các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Nhiệm vụ của giáo viên Trung tâm Dạy nghề

1. Thực hiện nghiêm chỉnh các chính sách, chế độ, các quy định của Nhà nước và nội quy của Trung tâm Dạy nghề. Đối với giáo viên làm việc theo chế độ hợp đồng thực hiện nghiêm chỉnh những nội dung ghi trong hợp đồng đã ký với Trung tâm Dạy nghề.

2. Thực hiện đúng các quy định về tiến độ, nội dung và chất lượng giảng dạy theo kế hoạch của Trung tâm Dạy nghề.

3. Thường xuyên nâng cao chất lượng nghiệp vụ giảng dạy. Chịu trách nhiệm trước Giám đốc Trung tâm Dạy nghề về kế hoạch và chất lượng giảng dạy.

4. Thực hiện nghiêm chỉnh những nguyên tắc sư phạm, các quy chuẩn về kỹ thuật, nghiệp vụ, an toàn vệ sinh lao động của Trung tâm Dạy nghề, tôn trọng nhân cách và đối xử công bằng với người học nghề.

5. Giữ gìn và bảo quản những trang thiết bị, đồ dùng dạy học, tài liệu giảng dạy và các tài liệu, tài sản khác của Trung tâm Dạy nghề.

Điều 14. Cán bộ, nhân viên làm công tác quản lý, phục vụ trong Trung tâm Dạy nghề có nghĩa vụ thực hiện nghiêm chỉnh các nhiệm vụ, chức trách của mình, góp phần vào việc giáo dục và đào tạo học sinh, được tôn trọng và được hưởng các quyền lợi theo quy định của Nhà nước hoặc theo hợp đồng.

Chương VI **NGƯỜI HỌC**

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ

Người có nguyện vọng, có nhu cầu học nghề, bổ túc nghề, bồi dưỡng nghề và đủ điều kiện học nghề theo quy định của pháp luật được ký hợp đồng học nghề với Giám đốc Trung tâm Dạy nghề.

Điều 16. Quá trình học

Trong quá trình học nghề, người học được tổ chức theo lớp, tổ hay nhóm học theo từng ngành nghề và phải có người phụ trách.

Điều 17. Người học nghề có các quyền lợi sau

1. Được học tập, rèn luyện theo mục tiêu đào tạo như đã ghi trong kế hoạch hoặc hợp đồng học nghề.

2. Được sử dụng cơ sở vật chất kỹ thuật của Trung tâm Dạy nghề theo mục đích học tập và rèn luyện theo kế hoạch.

3. Trong thời gian học nghề nếu trực tiếp hoặc tham gia làm ra sản phẩm cho Trung tâm Dạy nghề thì được trả công theo mức thỏa thuận trong hợp đồng học nghề.

4. Được đóng góp ý kiến với Trung tâm Dạy nghề về mục tiêu, chương trình, nội dung, phương pháp giảng dạy .

5. Được bảo đảm về an toàn lao động, vệ sinh lao động theo quy định của pháp luật.

6. Người học nghề thuộc diện chính sách xã hội, được hưởng các chế độ ưu đãi, trợ cấp của Nhà nước theo quy định hiện hành trong thời gian học tập tại Trung tâm Dạy nghề.

7. Được đề đạt nguyện vọng trực tiếp hoặc thông qua đại diện hợp pháp của mình lên Giám đốc Trung tâm Dạy nghề để giải quyết các vấn đề liên quan đến cá nhân, tập thể người học như: học tập, sinh hoạt văn hóa, thể dục thể thao và những vấn đề liên quan khác đến người học tại Trung tâm.

8. Được tôn trọng, đối xử bình đẳng, được cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin về kết quả học tập, rèn luyện của mình.

9. Được quyền khiếu nại đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết những vấn đề vi phạm có liên quan đến quyền và lợi ích của người học hoặc hợp đồng học nghề.

10. Được tham gia hoạt động trong các tổ chức đoàn thể, các tổ chức xã hội theo quy định của pháp luật.

11. Được cấp chứng chỉ nghề, chứng nhận bồi dưỡng nghề nếu đạt yêu cầu trong kỳ kiểm tra cuối khóa học.

12. Được bố trí việc làm theo cam kết (nếu có) sau khi kết thúc khóa học.

Điều 18. Người học có các nhiệm vụ sau đây

1. Thực hiện đầy đủ hợp đồng học nghề, bổ túc nghề và bồi dưỡng nghề đã ký với Giám đốc Trung tâm Dạy nghề.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy chế, nội quy của Trung tâm Dạy nghề.

3. Tham gia đầy đủ chương trình, nội dung học tập theo hợp đồng học nghề, bồi dưỡng, bổ túc nghề.

4. Kính trọng giáo viên, cán bộ, nhân viên Trung tâm Dạy nghề.

5. Tuân thủ các quy định về an toàn lao động và vệ sinh lao động của Trung tâm Dạy nghề.

6. Giữ gìn, bảo quản trang thiết bị, đồ dùng dạy học và các tài sản khác của Trung tâm Dạy nghề.

7. Nộp học phí đầy đủ, đúng kỳ hạn theo quy định hoặc theo hợp đồng học nghề.

8. Thực hiện nếp sống văn minh, lành mạnh.

9. Tham gia lao động, hoạt động xã hội phù hợp với lứa tuổi, sức khỏe và năng lực.

Chương VII

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 19. Chế độ làm việc

1. Chế độ sinh hoạt, giao ban:

a) Ban Giám đốc hàng tuần giao ban vào ngày thứ sáu.

b) Ban Giám đốc giao ban với các phòng, các bộ môn để kiểm điểm công tác tuần qua, giải quyết những vướng mắc phát sinh của các phòng, bộ môn trong quá trình thực hiện và đề ra một số nhiệm vụ cho công tác tuần tới vào sáng thứ hai hàng tuần.

c) Ban Giám đốc tổ chức họp mỗi quý một lần vào ngày cuối quý với các phòng, bộ môn để kiểm điểm tình hình thực hiện trong quý và đề ra công tác cho quý tiếp theo, đồng thời phổ biến các chủ trương chính sách mới của Đảng và Nhà nước, những nhiệm vụ phát sinh tại Trung tâm.

Sáu tháng và cuối năm có báo cáo sơ tổng kết và tổ chức hội nghị theo quy định.

d) Các phòng, bộ phận sinh hoạt một tháng một lần có mời Ban Giám đốc Trung tâm phụ trách trực tiếp cùng dự.

e) Trong những trường hợp đột xuất, Ban Giám đốc sẽ triệu tập cuộc họp khẩn để triển khai kịp thời những chủ trương của cấp trên.

2. Chế độ làm việc:

a) Thực hiện quy định chung của Nhà nước và nội quy làm việc của Trung tâm.

b) Cán bộ, giáo viên, nhân viên của Trung tâm đều có chức danh, nhiệm vụ cụ thể, khi làm việc trang phục lịch sự (riêng đồng phục mặc theo quy định của Trung tâm) và đeo thẻ theo quy định.

c) Nhân viên phải có thái độ, phong cách làm việc lịch sự, tận tụy, khiêm tốn, tôn trọng và lắng nghe ý kiến của lãnh đạo Trung tâm Dạy nghề, của đồng nghiệp, giáo viên, cũng như khách đến liên hệ công tác và các học viên đến đăng ký học nghề.

Điều 20. Quan hệ công tác

Trung tâm Dạy nghề có các mối quan hệ công tác như sau:

1. Đối với Sở Lao động Thương binh và xã hội và Sở Giao thông - Công chính:

Trung tâm Dạy nghề chịu sự hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến đào tạo nghề, bổ túc, bồi dưỡng nghề cho người lao động. Đồng thời thực hiện và báo cáo công tác chuyên môn theo yêu cầu của Sở.

2. Đối với Ủy ban nhân dân quận:

Trung tâm Dạy nghề chịu sự lãnh đạo và quản lý trực tiếp, toàn diện của Ủy ban nhân dân quận. Giám đốc Trung tâm Dạy nghề trực tiếp nhận chỉ thị của Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận và phải thường xuyên báo cáo với Ủy ban nhân dân quận về việc thực hiện những mặt công tác đã được phân công.

3. Đối với các phòng, ban, đơn vị trực thuộc quận:

Thực hiện tốt mối quan hệ phối hợp và hợp tác bình đẳng trên cơ sở chức năng nhiệm vụ được quy định.

Khi phối hợp giải quyết công việc thuộc lĩnh vực mình phụ trách, nếu chưa thống nhất với ý kiến của các phòng, ban chuyên môn khác, Giám đốc Trung tâm Dạy nghề chủ động tập hợp ý kiến trình Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận xem xét quyết định.

Chương VIII **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 21. Căn cứ vào bản Quy chế này, Giám đốc Trung tâm Dạy nghề quận có trách nhiệm nghiên cứu cụ thể hóa chức năng nhiệm vụ, quyền hạn chức danh của cán bộ công nhân viên, đề ra quy chế tổ chức và hoạt động của các phòng, các bộ môn và các quy trình giải quyết một số công việc chuyên môn để thực hiện nhiệm vụ của Trung tâm, nhưng không trái với nội dung Quy chế này và quy định của pháp luật.

Điều 22. Giám đốc Trung tâm Dạy nghề quận có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy chế này sau khi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận ký ban hành và trong quá trình thực hiện nếu có gì vướng mắc hoặc cần bổ sung sửa đổi quy chế thì kiến nghị Ủy ban nhân dân quận để xem xét sau khi có sự trao đổi thống nhất với Phòng Nội vụ quận./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Quốc Hùng

HUYỆN CẦN GIỜ

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIỜ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 50/2006/NQ-HĐND

Cần Giờ, ngày 26 tháng 12 năm 2006

NGHỊ QUYẾT

*Về tình hình thực hiện ngân sách năm 2006 và
dự toán thu, chi ngân sách huyện năm 2007*

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ KHÓA IX KỲ HỌP LẦN THỨ 10

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Điều 25, Luật Ngân sách Nhà nước năm 2002;

Sau khi xem xét Tờ trình số 1306/TTr-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban nhân dân huyện; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Về thực hiện ngân sách huyện năm 2006

Căn cứ Nghị quyết số 43/2006/NQ-HĐND ngày 24 tháng 7 năm 2006 của Hội đồng nhân dân huyện về điều chỉnh dự toán ngân sách năm 2006 đã được phê chuẩn tại kỳ họp lần thứ 8, Hội đồng nhân dân huyện khóa IX. Hội đồng nhân dân huyện ghi nhận như sau:

Năm 2006, Ủy ban nhân dân huyện đã có nhiều nỗ lực trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ tài chính - ngân sách năm 2006 và đạt được nhiều kết quả khả quan. Thực hiện tốt công tác quản lý thu - chi ngân sách, đạt kết quả cao về nhiệm vụ thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn, thu thuế ước đạt 257% và tăng 33% so với chỉ tiêu thu đã điều chỉnh, bằng 2,5 lần so với kết quả thu của năm 2005; thu ngân sách huyện tăng 14% so với dự toán đảm bảo yêu cầu chi cho hoạt động thường xuyên, chi đầu

tư phát triển kinh tế, giáo dục, y tế, an ninh quốc phòng, trợ cấp xã hội, đặc biệt là có nhiều đơn vị dự toán đã có ý thức tiết kiệm, nâng cao thu nhập cho cán bộ công chức và phúc lợi tập thể. Thực hiện đảm bảo dự phòng ngân sách theo quy định.

Điều 2. Thông qua dự toán ngân sách Nhà nước năm 2007, gồm:

2.1. Về thu ngân sách:

2.1.1. Về thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn: 29.510 triệu

Trong đó:

- Thuế công thương nghiệp : 8.700 triệu
- Thuế trước bạ : 6.000 triệu
- Thuế nhà đất : 90 triệu
- Tiền thuê đất : 300 triệu
- Thu cấp quyền sử dụng đất : 10.000 triệu
- Thuế chuyên quyền SDD : 2.100 triệu
- Phí, lệ phí : 800 triệu
- Chi khác : 1.520 triệu

2.1.2. Về thu ngân sách huyện : 132.748 triệu.

Trong đó:

- Thu điều tiết ngân sách : 3.930 triệu
- Thu trợ cấp thường xuyên từ ngân sách thành phố: 125.707 triệu.
- Thu dự phòng 2006 chuyển sang : 3.111 triệu.

2.2. Về chi ngân sách huyện : 128.562 triệu.

Trong đó:

- Chi thường xuyên : 115.538 triệu
- + Sự nghiệp kinh tế : 49.666 triệu
- + Sự nghiệp giáo dục : 34.759 triệu
- + Sự nghiệp văn hóa : 2.432 triệu
- + Sự nghiệp thể thao : 900 triệu
- + Sự nghiệp y tế : 8.710 triệu

+ Sự nghiệp xã hội	:	3.314 triệu
+ Quản lý Nhà nước	:	8.867 triệu
+ Đảng, Đoàn thể	:	2.492 triệu
+ An ninh quốc phòng	:	3.100 triệu
+ Chi khác	:	1.500 triệu
- Chi bổ sung ngân sách xã, thị trấn:		11.910 triệu
- Dự phòng ngân sách	:	4.186 triệu.

Điều 3. Thông qua các giải pháp thực hiện dự toán và phân bổ ngân sách do Ủy ban nhân dân huyện trình cho Hội đồng nhân dân huyện, các giải pháp tại báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội. Trong quá trình điều hành thực hiện ngân sách năm 2007, Ủy ban nhân dân huyện cần tập trung chú ý một số vấn đề sau:

1. Căn cứ vào Nghị quyết của Hội đồng nhân dân huyện, Ủy ban nhân dân huyện ban hành quyết định giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách cho từng cơ quan, ban ngành huyện và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn theo quy định. Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định dự toán thu, chi ngân sách theo quy định.

2. Đẩy mạnh cải cách hành chính và áp dụng các hình thức quản lý thuế hiện đại, vừa chặt chẽ vừa thông thoáng để tạo thuận lợi cho doanh nghiệp trong sản xuất kinh doanh và thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước.

3. Có giải pháp tích cực, khai thác thêm nguồn thu, quản lý đầy đủ các nguồn thu đặc biệt là nguồn thu từ đất đai, đầu tư xây dựng. Tiếp tục huy động tối đa nguồn vốn bổ sung cho đầu tư phát triển, song song vận động nhân dân hưởng ứng thực hiện chương trình Nhà nước và nhân dân cùng làm đối với các công trình giao thông, phúc lợi công cộng, phục vụ sản xuất... tập trung xử lý những khoản nợ đọng thu nộp ngân sách.

4. Tăng cường công tác xã hội hóa trong các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa và thể dục thể thao. Đa dạng hóa các hình thức huy động nhiều nguồn lực để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cần thiết và nguồn huy động này phải được sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tránh dàn trải trong đầu tư xây dựng cơ bản, khắc phục chi vượt dự toán được duyệt. Thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên để thực hiện chính sách tiền lương.

5. Đảm bảo sử dụng dự phòng ngân sách đúng mục tiêu, đúng quy định của Luật

Ngân sách Nhà nước và định kỳ hàng quý Ủy ban nhân dân huyện báo cáo cho Thường trực Hội đồng nhân dân huyện về kết quả sử dụng khoản dự phòng ngân sách theo quy định của pháp luật.

6. Việc điều hành sử dụng ngân sách phải theo đúng dự toán được duyệt, theo chế độ chính sách quy định. Nâng cao trách nhiệm của lãnh đạo các đơn vị khi xây dựng dự toán năm, hạn chế phát sinh bổ sung dự toán nhiều lần trong năm nhằm đảm bảo quá trình điều hành ngân sách được ổn định.

7. Thống nhất về chủ trương tăng cường điều kiện, phương tiện đảm bảo tình hình an ninh - chính trị trên vùng biển. Giao cho Ủy ban nhân dân huyện có văn bản đề xuất với Thành phố để được bổ sung kinh phí thực hiện.

Điều 4. Hội đồng nhân dân huyện giao cho Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, Ban Kinh tế - Xã hội, Ban Pháp chế của Hội đồng nhân dân huyện, các Tổ đại biểu và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc thực hiện nhiệm vụ ngân sách năm 2007 trên các lĩnh vực, địa bàn, phạm vi trách nhiệm theo quy định của pháp luật. Giao Ủy ban nhân dân huyện báo cáo tình hình quản lý và sử dụng ngân sách các xã, thị trấn cho Thường trực Hội đồng nhân dân và Ban Kinh tế - Xã hội vào tháng 3 năm 2007.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện khóa IX, kỳ họp lần thứ 10, ngày 26 tháng 12 năm 2006 thông qua./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Kim Dung

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIỜ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 54/2006/NQ-HĐND

Cần Giờ, ngày 29 tháng 12 năm 2006

NGHỊ QUYẾT

Về thông qua kế hoạch sử dụng đất năm 2007

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ KHÓA IX KỲ HỌP LẦN THỨ 10

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ khoản 6, Điều 25, Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2006/NQ-HĐND ngày 26 tháng 01 năm 2006 của Hội đồng nhân dân huyện Cần Giờ về quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010 và định hướng sử dụng đất đến năm 2020;

Xét Tờ trình số 1282/TTr-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban nhân dân huyện về kế hoạch sử dụng đất năm 2007;

Sau khi nghe Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội và ý kiến thảo luận,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Về tình hình thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2006

Hội đồng nhân dân huyện nhận thấy kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất trong năm 2006 đạt thấp (3,3557%) so với kế hoạch; có đến 76 danh mục công trình, dự án với diện tích 1.503,30ha chưa triển khai thực hiện do nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan.

Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện xác định các công trình trọng điểm để đầu tư theo thứ tự ưu tiên; có biện pháp đẩy nhanh tiến độ công tác đền bù, giải phóng mặt bằng thực hiện các công trình, dự án; tăng cường kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch số 30/KH-UBND, ngày 31 tháng 7 năm 2006 của Ủy ban nhân dân huyện về chấn chỉnh, khắc phục những tồn tại, yếu kém trong việc thực hiện Luật Đất đai trên địa bàn huyện.

Điều 2. Về kế hoạch sử dụng đất năm 2007

Thông qua các số liệu về kế hoạch sử dụng đất năm 2007 do Ủy ban nhân dân huyện báo cáo tại Tờ trình số 1282/TTr-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2006.

Giao Ủy ban nhân dân huyện hoàn chỉnh hồ sơ kế hoạch sử dụng đất năm 2007 trình Ủy ban nhân dân thành phố xét duyệt theo quy định.

Điều 3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tổ chức giám sát việc triển khai thực hiện kế hoạch sử dụng đất của huyện và các xã, thị trấn.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện khóa IX, kỳ họp lần thứ 10, ngày 27 tháng 12 năm 2006 thông qua./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Kim Dung

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIỜ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 55/2006/NQ-HĐND

Cần Giờ, ngày 29 tháng 12 năm 2006

NGHỊ QUYẾT

Về quy hoạch các ngành nghề kinh doanh vũ trường, karaoke, quán bar, dịch vụ xoa bóp, cơ sở lưu trú du lịch; cổ động chính trị và quảng cáo ngoài trời trên địa bàn huyện giai đoạn 2006 - 2010

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ KHÓA IX KỲ HỌP LẦN THỨ 10

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Chỉ thị số 17/2005/CT-TTg, ngày 25 tháng 5 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấn chỉnh các hoạt động tiêu cực trong quán bar, nhà hàng karaoke, vũ trường;

Căn cứ Chỉ thị số 35/2006/CT-UBND, ngày 06 tháng 11 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố về xây dựng quy hoạch các ngành nghề kinh doanh vũ trường, karaoke, quán bar, dịch vụ xoa bóp, cơ sở lưu trú du lịch; cổ động chính trị và quảng cáo ngoài trời trên địa bàn thành phố giai đoạn 2006 - 2010;

Sau khi xem xét Tờ trình số 1313/TTr-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban nhân dân huyện; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội và ý kiến của các đại biểu,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Tờ trình số 1313/TTr-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban nhân dân huyện về quy hoạch các ngành nghề kinh doanh vũ trường, karaoke, quán bar, dịch vụ xoa bóp, cơ sở lưu trú du lịch; cổ động chính trị và quảng cáo ngoài trời trên địa bàn huyện Cần Giờ giai đoạn 2006 - 2010.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân huyện trên cơ sở góp ý của các Sở chuyên ngành thành phố, ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội bổ sung, sửa đổi hoàn chỉnh quy

hoạch trình cấp thẩm quyền phê duyệt. Chú trọng tăng cường quản lý, kiểm tra, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm. Hàng năm có báo cáo kết quả thực hiện quy hoạch cho Hội đồng nhân dân huyện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện khóa IX, kỳ họp lần thứ 10, ngày 27 tháng 12 năm 2006 thông qua./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Kim Dung

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIỜ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 56/2006/NQ-HĐND

Cần Giờ, ngày 29 tháng 12 năm 2006

NGHỊ QUYẾT

*Về tình hình kinh tế - xã hội năm 2006
và kế hoạch kinh tế - xã hội năm 2007*

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ KHÓA IX KỲ HỌP LẦN THỨ 10

Căn cứ Điều 50, Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ kết quả thảo luận các báo cáo của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội và ý kiến đóng góp của đại biểu,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 2006

+ Tổng giá trị sản xuất (giá cố định năm 1994) toàn huyện đạt 1.844 tỷ đồng, giảm 23,5% so cùng kỳ năm 2005, đạt 68% kế hoạch. Trong đó: Thủy sản tăng 13%, đạt 97% kế hoạch; Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp giảm 8,5%, đạt 89% kế hoạch; Nông - lâm nghiệp giảm 5,5%, đạt 103% kế hoạch; Giao thông - bưu điện tăng 36%, đạt 117% kế hoạch; Đầu tư xây dựng giảm 56%, đạt 39% kế hoạch; Thương mại - dịch vụ tăng 14%, đạt 106% kế hoạch.

+ Tổng thu ngân sách Nhà nước đạt 32.800 triệu đồng, tăng 2,5 lần so cùng kỳ và tăng 157 % dự toán Thành phố giao, tăng 33% so với dự toán điều chỉnh.

+ Tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên 1,163%, giảm 0,108%, so năm trước và giảm 0,09% so với kế hoạch. Giải quyết việc làm cho 4.612 lao động, đạt 102% kế hoạch. Tỷ lệ hộ nghèo (theo tiêu chuẩn 6 triệu đồng/nhân khẩu) còn 24%, trong đó tỷ lệ hộ nghèo theo tiêu chuẩn 4 triệu đồng/hộ còn 3,99%. Tỷ lệ dân số tham gia tập luyện thể dục thể thao thường xuyên 16,7%, tăng 0,6%. Huy động lao động công ích 41.500 ngày công, đạt 83% kế hoạch. Giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng còn 9%. Tỷ lệ phổ cập giáo dục bậc trung học đạt 55,57%. Huy động trẻ 5 tuổi ra mẫu giáo 92,78%, trẻ 6 tuổi vào lớp

một đạt 100%, hoàn tất chương trình tiểu học vào lớp 6 đạt 99,61%, tốt nghiệp trung học cơ sở vào lớp 10 đạt 94,53%. Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi tiêm chủng mở rộng đạt 100%. Tỷ lệ hộ dân được cung cấp nước sạch 95%. Tỷ lệ hộ dân được mắc điện kế 87%.

+ Tình hình an ninh quốc phòng và trật tự an toàn xã hội được đảm bảo, công tác phòng chống lụt bão được tăng cường, góp phần ổn định xã hội, tạo điều kiện đầu tư phát triển kinh tế. Đặc biệt là thực hiện nghiêm chỉ đạo của Trung ương và Thành phố, chủ động, tích cực trong công tác phòng tránh và khắc phục khẩn trương, có hiệu quả các thiệt hại cơn bão số 9 vừa qua.

Bên cạnh kết quả đạt được, vẫn còn tồn tại một số vấn đề cơ bản:

- Nghề nuôi trồng thủy sản chưa được phát triển bền vững do yếu tố bất lợi về môi trường, thời tiết.

- Đầu tư phát triển còn chậm so với yêu cầu, nhiều dự án chuẩn bị đầu tư chậm hoàn thành, chậm khởi công, một số công trình thi công kéo dài tiến độ, ảnh hưởng đến việc giải ngân vốn, một số công trình thi công kém chất lượng, cơ chế xử lý các vi phạm trên lĩnh vực đầu tư xây dựng thiếu kiên quyết.

- Kết quả thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục bậc trung học, huy động học sinh vào các lớp bổ túc và đào tạo nghề còn nhiều khó khăn, hoạt động văn hóa trên địa bàn còn hạn chế.

- Chương trình thực hiện Năm Cải cách hành chính, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tuy đạt được những kết quả bước đầu; song, mức độ quan liêu, nhũng nhiễu, lãng phí chưa có chuyển biến giảm rõ nét, hồ sơ giải quyết tranh chấp, khiếu nại của công dân còn tồn đọng nhiều.

- Cơ chế và sự vận hành của bộ máy chính quyền từ huyện đến xã, thị trấn còn biểu hiện chậm chạp, chưa thật thông suốt, một bộ phận cán bộ công chức làm việc tại các xã, thị trấn, phòng ban chưa đạt tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn và kỹ năng thực hành công vụ.

Điều 2. Thông qua mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2007, như sau:

Mục tiêu và nhiệm vụ tổng quát: Phân đấu đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế cao để ổn định mức phát triển trong 2 năm đầu của kế hoạch 5 năm 2006 - 2010, đẩy mạnh và nâng cao chất lượng chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp bền vững, huy động tổng hợp các nguồn lực đầu tư phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng, phát triển năng lực sản xuất - kinh doanh, tăng cường quản lý, bảo vệ và khai thác tốt cảnh quan môi trường, hệ sinh thái rừng ngập mặn. Tiếp tục phát triển sự nghiệp giáo dục, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chăm lo sự nghiệp y tế, tăng cường các hoạt động văn

hóa, xây dựng thiết chế văn hóa cơ sở; thực hiện mục tiêu giảm hộ nghèo, giải quyết việc làm và nâng cao chất lượng cuộc sống nhân dân, môi trường sống ở nông thôn. Quyết tâm thực hiện cải cách hành chính, phát huy dân chủ cơ sở, chống tham nhũng và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Tăng cường nhiệm vụ quốc phòng, an ninh và đảm bảo giữ vững trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

Thống nhất tiếp tục chọn năm 2007 là “Năm Cải cách hành chính, phòng chống tham nhũng, lãng phí, thực hành tiết kiệm”.

Các chỉ tiêu kinh tế:

* Tổng giá trị sản xuất (tính theo giá cố định năm 1994) tăng 29%; trong đó Thủy sản tăng 8%; Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tăng 5%; Nông, lâm nghiệp tăng 10%; Giao thông bưu điện tăng 29%; Thương mại dịch vụ tăng 20%; Đầu tư xây dựng tăng 67%.

* Tổng mức huy động vốn đầu tư toàn xã hội 1.163 tỷ đồng.

* Tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn 29,5 tỷ đồng, tăng 2,3 lần so với dự toán thu năm 2006.

* Tổng thu ngân sách huyện: 132,748 tỷ đồng.

* Tổng chi ngân sách huyện: 132,748 tỷ đồng.

Các chỉ tiêu xã hội:

* Nâng cao chất lượng, hiệu suất và hiệu quả giáo dục bằng hoặc cao hơn năm học trước.

* Phổ cập giáo dục bậc trung học trong độ tuổi đạt trên 65%. Phấn đấu đến năm 2008 đạt trên 70%.

* Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên: 1,26%.

* Giải quyết việc làm cho 4.000 lượt lao động.

* Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo: 18,5%.

* Giảm hộ nghèo còn 15%; trong đó cơ bản không còn hộ nghèo thuộc diện hộ chính sách có công.

* Tỷ lệ trẻ (dưới 5 tuổi) suy dinh dưỡng 7%.

* Tỷ lệ dân số tham gia tập luyện thể dục thể thao thường xuyên 18%.

* Tỷ lệ hộ dân mắc điện kế đạt 92%.

* Kiên cố hóa nhà ở 1.500 căn, trong đó xây mới 900 căn.

Chỉ tiêu môi trường:

- * Tỷ lệ dân số được cung cấp nước sạch 97%.
- * Các khu dân cư tập trung đảm bảo có 100% hộ dân được mắc đồng hồ nước.
- * Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom, xử lý 70%.
- * Tỷ lệ hộ dân có nhà vệ sinh hợp quy cách đạt 75% trên từng xã, thị trấn.

Điều 3. Cơ bản thống nhất các giải pháp điều hành tổ chức thực hiện của Ủy ban nhân dân huyện.

Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện xây dựng chương trình cụ thể để thực hiện, tạo điều kiện huy động các thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng, phát triển huyện, tạo sự đột phá trong cải cách hành chính, nâng cao năng lực và hiệu quả công tác quản lý hành chính Nhà nước ở huyện, xã, thị trấn đáp ứng yêu cầu của nhân dân, tổ chức. Tiếp tục có biện pháp tích cực, hiệu quả triển khai thực hiện Luật Phòng chống tham nhũng, Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Tập trung chỉ đạo khẩn trương giải quyết các kiến nghị chính đáng, phù hợp của cử tri, có giải pháp thực hiện có hiệu quả (dứt điểm) các kiến nghị đã kéo dài nhiều năm, gây bức xúc trong nhân dân.

Điều 4. Giao Ủy ban nhân dân huyện triển khai và chỉ đạo điều hành các phòng ban, đơn vị trực thuộc và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn thực hiện Nghị quyết này với kết quả cao nhất ngay trong tháng 01 năm 2007.

Tập trung các biện pháp nhằm chăm lo chu đáo đời sống vật chất và tinh thần nhân dịp Tết Đính Hợi 2007 cho các tầng lớp nhân dân ở huyện, nhất là các gia đình chính sách, đồng bào nghèo tại các xã, thị trấn bị ảnh hưởng do cơn bão số 9 gây ra.

Điều 5. Thường trực và các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát thực hiện Nghị quyết này.

Hội đồng nhân dân huyện kêu gọi đồng bào, cán bộ, chiến sĩ nêu cao tinh thần khắc phục khó khăn, phấn đấu quyết tâm thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu kinh tế - xã hội năm 2007.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện khóa IX, kỳ họp lần thứ 10, ngày 27 tháng 12 năm 2006 thông qua./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Kim Dung

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIỜ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 57/2006/NQ-HĐND

Cần Giờ, ngày 29 tháng 12 năm 2006

NGHỊ QUYẾT

*Về kết quả hoạt động của Hội đồng nhân dân huyện năm 2006
và Chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân
huyện Cần Giờ năm 2007*

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ KHÓA IX KỲ HỌP LẦN THỨ 10

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Xét kết quả thảo luận các báo cáo của Hội đồng nhân dân, hai Ban Hội đồng nhân dân, Tờ trình số 67/TTr-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2006 của Thường trực Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp lần thứ 10, khóa IX được tổ chức ngày 26 tháng 12 năm 2006,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo hoạt động Hội đồng nhân dân và hoạt động giám sát của hai Ban Hội đồng nhân dân huyện năm 2006. Hội đồng nhân dân huyện đánh giá cao kết quả thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân huyện về chương trình giám sát năm 2006. Hoạt động của Hội đồng nhân dân huyện năm 2007 cần tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng các kỳ họp, tổ chức giám sát, chất vấn và trả lời chất vấn, tiếp xúc cử tri và giải quyết các kiến nghị của cử tri.

Điều 2. Thống nhất thông qua Chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân huyện Cần Giờ năm 2007 với các nội dung, lĩnh vực sau đây:

1. Về lĩnh vực kinh tế:

- Giám sát việc thực hiện chuyển đổi cơ cấu sản xuất về mô hình sản xuất GAP và CoC.
- Giám sát việc thực hiện các biện pháp bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản.

- Giám sát tình hình tổ chức, hoạt động của Trạm Kiểm dịch thủy sản, biện pháp kiểm soát nguồn giống, kiểm tra kiểm soát nguồn nước và ngăn ngừa dịch bệnh.

- Tiếp tục giám sát việc tổ chức thực hiện dự án đường Trung tâm hành chính (Lương Văn Nho), đường An Thới Đông, Tam Thôn Hiệp, Lý Nhơn, đường Trần Quang Đạo (Bình Khánh).

- Giám sát việc đầu tư một số công trình giao thông, thiết chế văn hóa và trụ sở Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.

- Giám sát tình hình chấp hành Luật Ngân sách Nhà nước tại các xã, thị trấn. Việc quản lý kinh phí và khoán biên chế ở các phòng, ban chuyên môn của Ủy ban nhân dân huyện. Việc cấp phát kinh phí, hướng dẫn nghiệp vụ, quản lý ngân sách đối với ngành tài chính - kế hoạch.

- Giám sát việc thực hiện Quy chế quản lý sản xuất dưới tán rừng.

- Quy trình đầu tư các khu dân cư: Cọ Dầu, Đồng Tranh, Lý Nhơn, Giồng Ao, Đồng Dinh, Tắc Cá cháy.

- Giám sát việc đền bù, giải tỏa để thực hiện công trình đường giao thông Lý Nhơn, Tam Thôn Hiệp, An Thới Đông và đường Rừng Sác.

2. Lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa thông tin, thể dục thể thao, xã hội và đời sống:

- Giám sát tình hình thực hiện Kế hoạch phổ cập giáo dục bậc trung học giai đoạn 2005 - 2007.

- Giám sát công tác đào tạo, dạy nghề, trợ vốn, giải quyết việc làm đáp ứng yêu cầu xây dựng nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế xã hội.

- Giám sát việc thực hiện các chế độ, chính sách đối với y, bác sỹ, nhân viên y tế; chế độ, chính sách y tế đối với người nghèo và trẻ em dưới 6 tuổi.

- Giám sát việc thực hiện các biện pháp chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Khảo sát các cơ sở bảo trợ xã hội.

- Giám sát việc tổ chức và hoạt động Nhà Văn hóa xã Thạnh An, Long Hòa.

- Giám sát việc xây dựng và hoạt động một số Khu dân cư văn hóa.

- Giám sát tiến độ triển khai thực hiện công trình khu di tích Giồng Cá Vồ, Nghĩa trang Liệt sỹ, Quảng trường Rừng Sác, Trung tâm Văn hóa huyện.

- Giám sát biện pháp triển khai thực hiện kế hoạch giảm nghèo; việc thực hiện

chương trình xây dựng nhà tình nghĩa, tình thương, sửa chữa nhà diện chính sách, có công.

- Giám sát tình hình chuẩn bị thực hiện dự án di dời 1.400 hộ dân vùng trũng thấp, ven biển và trong rừng phòng hộ.

3. Lĩnh vực khoa học, công nghệ, tài nguyên và môi trường:

- Giám sát việc triển khai thực hiện các công trình kè đá ở các khu dân cư dọc theo 2 sông Lòng Tàu và Soài Rạp (tại các xã Bình Khánh, Tam Thôn Hiệp, An Thới Đông, Thạnh An).

- Giám sát việc đầu tư hạ tầng cơ sở phục vụ nuôi trồng thủy sản. Công tác lập quy hoạch xây dựng và công khai quy hoạch ở các xã, thị trấn. Công tác cấp đổi số nhà, đặt tên đường.

- Giám sát việc tổ chức quản lý cấp thoát nước, vệ sinh môi trường, xử lý rác, quản lý nghĩa trang ở các khu dân cư.

4. Lĩnh vực quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội:

- Giám sát tình hình tổ chức và hoạt động của lực lượng Công an xã, thị trấn, lực lượng dân quân tự vệ.

- Giám sát công tác bảo đảm an toàn giao thông đường bộ trên địa bàn huyện.

5. Lĩnh vực dân tộc:

- Giám sát biện pháp tổ chức thực hiện chế độ, chính sách, đời sống, việc làm của người Khơ me tại Bình Khánh.

6. Lĩnh vực thi hành pháp luật:

- Giám sát việc tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XII trên địa bàn huyện.

- Công tác tuyên truyền pháp luật ở huyện và các xã, thị trấn.

- Giám sát hoạt động “Ba giảm”.

- Giám sát việc thực hiện các kết luận thanh tra.

- Giám sát việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.

7. Lĩnh vực xây dựng chính quyền:

- Giám sát việc triển khai thực hiện Kế hoạch phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Tổ chức giám sát, khảo sát về mức độ hài lòng của công dân với cải cách hành chính và bộ máy quản lý Nhà nước huyện, xã.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Giao cho Thường trực Hội đồng nhân dân, hai Ban Hội đồng nhân dân huyện xây dựng chương trình, kế hoạch giám sát hàng quý, quyết định thành lập đoàn giám sát khi thấy cần thiết, đồng thời tăng cường phối hợp cùng Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện để thực hiện chức năng giám sát theo quy định.

Đại biểu Hội đồng nhân dân huyện có trách nhiệm tham gia giám sát, góp phần cùng Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân để hoàn thành nhiệm vụ giám sát năm 2007.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện khóa IX, kỳ họp lần thứ 10, phiên họp ngày 27 tháng 12 năm 2006 thông qua./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Kim Dung

HUYỆN HỌC MÔN

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN HỌC MÔN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01/2006/NQ-HĐND

Hóc Môn, ngày 19 tháng 12 năm 2006

NGHỊ QUYẾT

Về nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2007

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN HỌC MÔN KHÓA IX KỲ HỌP LẦN THỨ 7

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Xét nội dung các báo cáo của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, và các cơ quan hữu quan; tiếp thu ý kiến đóng góp của Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện và các ý kiến thảo luận đóng góp của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân huyện Hóc Môn,

QUYẾT NGHỊ:

- Tán thành với báo cáo năm 2006 và chương trình công tác chủ yếu năm 2007 của Thường trực và 02 Ban Hội đồng nhân dân huyện Hóc Môn.

- Tán thành báo cáo của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn và các cơ quan chuyên môn về tình hình kinh tế xã hội năm 2006 và phương hướng nhiệm vụ, các giải pháp chủ yếu năm 2007.

Hội đồng nhân dân huyện Hóc Môn nhấn mạnh một số nhiệm vụ sau:

I. Đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Hội đồng nhân dân huyện năm 2006:

Tình hình kinh tế xã hội huyện năm 2006 tiếp tục phát triển, một số lĩnh vực đạt và vượt chỉ tiêu, các chương trình, mục tiêu xã hội được quan tâm chăm lo, an ninh quốc phòng được giữ vững. Cụ thể kết quả đạt được như sau:

1. Sản xuất công nghiệp tiểu thủ công nghiệp thực hiện cả năm đạt 105,5% kế hoạch, tăng 31,8% so với năm 2005, thương mại dịch vụ đạt 105,23% tăng 26,29% so với năm 2005. Riêng sản xuất nông nghiệp tiếp tục gặp khó khăn, do dịch bệnh phát sinh trên cây trồng và vật nuôi.

2. Năm 2006 thu ngân sách Nhà nước đạt 95,84% so với chỉ tiêu Nghị quyết, thu ngân sách địa phương đạt 160,23%, chi ngân sách đạt 126,62% kế hoạch năm.

3. Tổng vốn đầu tư xây dựng cơ bản, sửa chữa lớn trong năm 2006 đạt 81,4% (126.620/155.436 triệu đồng).

4. Thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân huyện Hóc Môn về công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chưa đạt chỉ tiêu đề ra, riêng việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ấp 5 Xuân Thới Sơn, ấp 6 Xuân Thới Thượng còn quá chậm.

5. Công tác quy hoạch, điều chỉnh lại quy hoạch những nơi không còn phù hợp mặc dù có quan tâm, nhưng tiến độ vẫn còn chậm.

6. Tình hình giáo dục trong năm 2006 tiếp tục nâng cao chất lượng. Công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân đạt được nhiều kết quả, chất lượng khám và điều trị bệnh được nâng cao hơn. Tuy nhiên cần phải khắc phục, chấn chỉnh thái độ phục vụ của một số y, bác sĩ của Trung tâm Y tế huyện Hóc Môn.

7. Hoạt động sự nghiệp văn hóa thông tin đạt nhiều kết quả tốt, phong trào thể dục thể thao giữ vững được thành tích, giải quyết việc làm cho 5.035 lao động đạt và vượt kế hoạch năm; đã kéo giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống còn 4,47% (so với Nghị quyết vượt 2,25 %).

8. An ninh quốc phòng được tổ chức thực hiện tốt theo nghị quyết của Hội đồng nhân dân huyện Hóc Môn.

9. Công tác cải cách hành chính đạt nhiều kết quả, khắc phục được một số thiếu sót so với trước đây.

II. Nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2007:

Hội đồng nhân dân huyện Hóc Môn thống nhất theo phương hướng nhiệm vụ và các giải pháp chủ yếu đã được nêu trong báo cáo của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn, trong quá trình điều hành thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng năm 2007. Hội đồng nhân dân huyện Hóc Môn yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn tập trung chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Về kinh tế:

1.1. Ngoài việc tổ chức thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ kinh tế - xã hội trong năm 2007 trên các lĩnh vực, cần tập trung triển khai tổ chức thực hiện đề án chuyển đổi cơ cấu kinh tế cây trồng, tăng hiệu quả kinh tế trong sản xuất nông nghiệp.

1.2. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình xây dựng cơ bản. Tạo điều kiện thuận lợi, tiếp tục mời gọi đầu tư, sớm triển khai các dự án cụm công nghiệp dân cư trên địa bàn huyện nhằm tạo đà phát triển trong những năm về sau.

1.3. Tìm biện pháp để nhanh chóng thực hiện việc điều chỉnh quy hoạch tổng thể mặt bằng, xúc tiến việc quy hoạch chi tiết 1/2000 cho các xã - thị trấn.

1.4. Thực hiện tốt Luật Ngân sách Nhà nước, đề ra chủ trương, giải pháp thực hành tiết kiệm chống lãng phí và thường xuyên kiểm tra việc chấp hành của các đơn vị.

2. Quản lý đất đai, xây dựng:

2.1. Đề ra kế hoạch, quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Nghị định số 90, trong đó ưu tiên tập trung cho việc xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khu vực áp 5 xã Xuân Thới Sơn, áp 6 xã Xuân Thới Thượng.

2.2. Tăng cường công tác kiểm tra việc quản lý đất đai, xây dựng, không để xảy ra tình trạng tự phân lô làm phá vỡ quy hoạch chung.

3. Về văn hóa - xã hội:

3.1. Phân đầu thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu: 100% học sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở, 97% học sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông.

3.2. Tiếp tục nâng cao chất lượng công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, nâng cao tinh thần thái độ phục vụ của y, bác sĩ Trung tâm Y tế huyện Hóc Môn, nhanh chóng thực hiện phương án mở rộng Trung tâm Y tế huyện, có kế hoạch xây mới 01 đến 02 trạm y tế xã đạt chuẩn quốc gia.

3.3. Tìm biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động các ấp, khu phố văn hóa, làm lễ đăng ký ra mắt 01 đến 02 xã văn hóa.

3.4. Nâng cao chất lượng đào tạo nghề giải quyết việc làm cho lao động. Tiếp tục thực hiện xóa đói giảm nghèo, phân đầu nâng cao mức sống, vượt nghèo theo tiêu chí mới từ 1200 - 1400.

4. Cải cách hành chính:

Tiếp tục thực hiện năm cải cách hành chính, chấn chỉnh một số khâu, quy trình

để nâng cao mức độ hài lòng của dân khi có quan hệ hành chính. Nâng cao chất lượng hiệu quả công tác tiếp dân, tiếp tục củng cố nâng cao chất lượng hoạt động của các phòng, ban quản lý Nhà nước cấp huyện.

5. An ninh - quốc phòng:

5.1. Giữ vững an ninh - chính trị, trật tự an toàn xã hội, kéo giảm các loại tội phạm, tập trung kiểm tra xử lý triệt để tội phạm ma túy.

5.2. Thực hiện công tác sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ tốt các mục tiêu trọng điểm, thực hiện tốt công tác tuyển quân, giao quân năm 2007; tổ chức huấn luyện hội thao đạt kết quả cao.

III. Tổ chức thực hiện:

1. Hội đồng nhân dân huyện Hóc Môn giao cho Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Hội đồng nhân dân huyện Hóc Môn giao Thường trực Hội đồng nhân dân, 02 Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện Hóc Môn phối hợp hoạt động, tăng cường công tác giám sát kịp thời đôn đốc, chấn chỉnh những thiếu sót, chậm trễ trong việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện Hóc Môn và các tổ chức thành viên và Đài Truyền thanh, Bản tin Hóc Môn tuyên truyền, phổ biến động viên các tầng lớp nhân dân tích cực thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân huyện Hóc Môn.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Hóc Môn khóa IX kỳ họp lần thứ 7 thông qua ngày 19 tháng 12 năm 2006./.

CHỦ TỊCH

Trần Văn Giữa

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 02/2006/NQ-HĐND

Hóc Môn, ngày 19 tháng 12 năm 2006

NGHỊ QUYẾT

*Về chương trình hoạt động giám sát
của Hội đồng nhân dân huyện Hóc Môn năm 2007*

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN KHÓA IX KỲ HỌP LẦN THỨ 7

Căn cứ Điều 59 Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Trên cơ sở xem xét Tờ trình của Thường trực Hội đồng nhân dân huyện Hóc Môn và ý kiến của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân huyện Hóc Môn,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân huyện Hóc Môn khóa IX giao Thường trực và 02 Ban Hội đồng nhân dân huyện Hóc Môn triển khai hoạt động giám sát trong năm 2007 với các nội dung sau đây:

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân huyện Hóc Môn tổ chức giám sát và báo cáo cho Hội đồng nhân dân huyện Hóc Môn các nội dung như sau:

1. Giám sát việc thực hiện đề án chuyển đổi cơ cấu kinh tế huyện và tiến độ, kết quả đầu tư xây dựng cơ bản trên địa bàn huyện.
2. Giám sát việc thực hiện các kiến nghị của bà con cử tri.
3. Giám sát việc giải quyết đơn thư tranh chấp, khiếu nại, tố cáo của công dân.
4. Giám sát việc thực hiện quy hoạch, quản lý quy hoạch.

Giao Ban Kinh tế - Xã hội giám sát và báo cáo Hội đồng nhân dân huyện Hóc Môn các nội dung như sau:

1. Giám sát việc thực hiện chế độ khám chữa bệnh cho các đối tượng gia đình chính sách, người cao tuổi, trẻ em dưới 6 tuổi.

2. Giám sát kết quả thực hiện chương trình xóa đói giảm nghèo, kết quả giải quyết tình trạng ô nhiễm môi trường.

3. Giám sát việc thực hiện ngân sách năm 2007.

Giao Ban Pháp chế giám sát và báo cáo Hội đồng nhân dân huyện Hóc Môn các nội dung như sau:

1. Giám sát công tác cải cách hành chính năm 2007, giám sát việc tổ chức thực hiện các quyết định hành chính có hiệu lực thi hành và quyết định xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực xây dựng.

2. Giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của các cơ quan tư pháp.

3. Giám sát công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Nghị định số 90 của Chính phủ và việc cấp phép xây dựng.

Điều 2. Thường trực Hội đồng nhân dân huyện Hóc Môn tổ chức việc triển khai thực hiện chương trình hoạt động giám sát năm 2007 của Hội đồng nhân dân huyện; phân công, điều hòa, phối hợp hoạt động giám sát của 02 Ban của Hội đồng nhân dân huyện; thường xuyên xem xét báo cáo tổng hợp hoạt động giám sát của 02 Ban Hội đồng nhân dân huyện Hóc Môn.

Điều 3. Trên cơ sở chương trình hoạt động giám sát Hội đồng nhân dân huyện và căn cứ vào chức năng nhiệm vụ theo quy định của Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, 02 Ban Hội đồng nhân dân huyện Hóc Môn xây dựng và triển khai thực hiện chương trình giám sát của mình. Thường trực Hội đồng nhân dân huyện Hóc Môn lựa chọn nội dung giám sát bằng hình thức xem xét báo cáo những vấn đề cử tri quan tâm trong quá trình thực hiện các Nghị quyết Hội đồng nhân dân huyện Hóc Môn.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân huyện Hóc Môn khóa IX, kỳ họp lần thứ 7 thông qua ngày 19 tháng 12 năm 2006./.

CHỦ TỊCH

Trần Văn Giữa

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 03/2006/NQ-HĐND

Hóc Môn, ngày 19 tháng 12 năm 2006

NGHỊ QUYẾT

Về phân loại đơn vị hành chính xã, thị trấn thuộc huyện Hóc Môn

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN KHÓA IX KỲ HỌP LẦN THỨ 7

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 159/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ về phân loại đơn vị hành chính xã, thị trấn;

Trên cơ sở xem xét Tờ trình số 959/TTr-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2006 của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn, qua ý kiến thảo luận đóng góp của các đại biểu,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất theo Tờ trình số 959/TTr-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2006 của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn về phân loại đơn vị hành chính xã - thị trấn như sau:

1. Xã, thị trấn loại 1 gồm: Thị trấn Hóc Môn, xã Bà Điểm, Xuân Thới Thượng, Xuân Thới Sơn, Tân Xuân, Trung Chánh, Xuân Thới Đông, Tân Thới Nhì, Tân Hiệp, Thới Tam Thôn và xã Đông Thạnh.

2. Xã loại 2: xã Nhị Bình.

Điều 2. Hội đồng nhân dân huyện Hóc Môn giao Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn hoàn chỉnh thủ tục pháp lý trình Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh quyết định phân loại đơn vị hành chính xã, thị trấn thuộc huyện Hóc Môn.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân huyện Hóc Môn khóa IX, kỳ họp lần thứ 7 thông qua ngày 19 tháng 12 năm 2006./.

CHỦ TỊCH

Trần Văn Giữa

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 04/2006/NQ-HĐND

Hóc Môn, ngày 19 tháng 12 năm 2006

NGHỊ QUYẾT

Về phê chuẩn dự toán và phân bổ ngân sách năm 2007

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN KHÓA IX KỲ HỌP LẦN THỨ 7

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 01/2002/QH11 ngày 16 tháng 12 năm 2002 và Nghị định số 60/2003/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết về thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Trên cơ sở xem xét Tờ trình đề nghị phê chuẩn dự toán và phân bổ ngân sách năm 2007 của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn. Theo kết quả thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội và ý kiến các vị đại biểu Hội đồng nhân dân huyện Hóc Môn,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn dự toán và phân bổ ngân sách huyện Hóc Môn năm 2007 như sau:

+ Tổng thu ngân sách Nhà nước:	170.400.000.000 đ
+ Tổng thu ngân sách địa phương:	151.617.000.000 đ
Thu ngân sách huyện:	143.961.000.000 đ
Thu ngân sách xã:	26.507.000.000 đ
+ Tổng chi ngân sách địa phương:	151.617.000.000 đ
Chi ngân sách huyện:	143.961.000.000 đ
Chi ngân sách xã:	26.507.000.000 đ

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân huyện Hóc Môn giao Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn có trách nhiệm điều hành và triển khai thực hiện ngân sách năm 2007 đúng quy định luật ngân sách.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Hóc Môn khóa IX thông qua tại kỳ họp lần thứ 7 ngày 19 tháng 12 năm 2006./.

CHỦ TỊCH

Trần Văn Giữa

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 05/2006/NQ-HĐND

Hóc Môn, ngày 19 tháng 12 năm 2006

NGHỊ QUYẾT
Về kế hoạch sử dụng đất 5 năm
(từ năm 2006 đến năm 2010) định hướng đến năm 2020

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN
KHÓA IX KỲ HỌP LẦN THỨ 7

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Trên cơ sở xem xét Tờ trình số 1048/TTr-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn, qua ý kiến thảo luận đóng góp của các đại biểu,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất theo Tờ trình số 1048/TTr-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn về kế hoạch sử dụng đất 5 năm (từ năm 2006 đến năm 2010), định hướng đến năm 2020 huyện Hóc Môn. Cụ thể:

1. Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2000 - 2005)

- Đất nông nghiệp năm 2006 giảm: 175,50ha so với năm 2000;
- Đất phi nông nghiệp năm 2005 tăng 465,72ha so với năm 2000;
- Đất chưa sử dụng giảm mạnh từ 323,35ha (năm 2000) còn 58,99ha (năm 2005) giảm 264,36ha chủ yếu chuyển sang sử dụng trong các mục đích xây dựng và nhà ở.

2. Kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2006 - 2010) định hướng đến năm 2020 bao gồm:

- Đất ở: 66 hạng mục
- Đất trụ sở cơ quan công trình sự nghiệp: 11 hạng mục
- Đất khu công nghiệp: 13 hạng mục
- Đất sản xuất kinh doanh: 48 hạng mục

- Đất thủy lợi:	04 hạng mục
- Đất truyền tải năng lượng truyền thông:	02 hạng mục
- Đất cơ sở văn hóa:	26 hạng mục
- Đất cơ sở y tế:	10 hạng mục
- Đất cơ sở giáo dục:	134 hạng mục
- Đất cơ sở thể dục thể thao:	05 hạng mục
- Đất công trình chợ:	06 hạng mục
- Đất di tích lịch sử:	01 hạng mục
- Đất bãi thải, xử lý chất thải:	06 hạng mục
- Đất nghĩa trang, nghĩa địa:	02 hạng mục
- Đất sông suối mặt nước chuyên dùng:	03 hạng mục.

Điều 2. Hội đồng nhân dân huyện Hóc Môn giao Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn hoàn chỉnh thủ tục pháp lý trình Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân huyện Hóc Môn khóa IX, kỳ họp lần thứ 7 thông qua ngày 19 tháng 12 năm 2006./.

CHỦ TỊCH

Trần Văn Giữa

UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: ttcb@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng

Giá: 5.000 đồng